

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TRUYỀN THÔNG SỐ

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần: Truyền thông số
- Mã học phần: 06CQ1220
- Số tín chỉ: 2
- Trình độ: Đại học
- Môn học tiên quyết:
- Môn học song hành:
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: (không)
- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☒		Chuyên nghiệp ☐			
		Cơ sở ngành ☐		Chuyên ngành ☐	
Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐
				Bổ trợ ☐	

- Phân tích thời lượng làm việc của GV và SV:

TỔNG SỐ TIẾT LÊN LỚP		tiết	TỔNG SỐ TIẾT TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN		tiết
Lý thuyết:	30	tiết	Đọc tài liệu ở nhà:	70	tiết
Thực hành:		tiết	Làm bài tập ở nhà:		tiết
Thảo luận / Thuyết trình:		tiết	Làm việc nhóm:		tiết
Hoạt động khác:		tiết			

2. MÔ TẢ VẤN TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN

Môn học nhằm trang bị kiến thức cơ bản về các loại hình truyền thông số hiện nay, tình hình phát triển chung trên thế giới và ở Việt Nam, các công nghệ và xu hướng phát triển mới của truyền thông thế giới. Qua đó, sinh viên có thể hình dung về vị trí và vai trò của truyền thông số hiện nay và những vấn đề xung quanh nó.

Môn học này cũng trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản để tham gia vào lĩnh vực truyền thông số. Sinh viên sẽ có những kiến thức và kỹ năng cần thiết để thực hiện các sản phẩm truyền thông số.

3. NGUỒN HỌC LIỆU

- Tài liệu/giáo trình chính:
- Tài liệu tham khảo/bổ sung: David Gaunlett, Ross Horsley, *Web studies 2.0*, A Hodder Arnold Publication, 2006, Rodney Jones, Christoph Hafner, *Undersanding Digital Literacies – A Pratical introduction*, Routledge, 2012
- Trang Web/CDs tham khảo

4. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

MT	Mô tả	CĐR của CTĐT	TĐNL
G ₁	Hiểu được các loại hình truyền thông số hiện nay, tình hình phát triển chung trên thế giới và ở Việt Nam	PLO 1, PLO 3	4
G ₂	Nhận diện các công nghệ và xu hướng phát triển mới của truyền thông thế giới.	PLO 2, PLO 6	4
G ₃	Đánh giá vai trò, vị trí của truyền thông số trong xã hội hiện đại và các vấn đề liên quan.	PLO 5, PLO 7	4

5. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

Kết quả phân tích mối liên hệ giữa CĐR học phần Truyền thông số với CĐR Chương trình đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện được thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1: Mô tả phân nhiệm chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo Truyền thông đa phương tiện cho học phần Truyền thông số.

Học phần Truyền thông số	Các chuẩn đầu ra của CTĐT của Chương trình đào tạo Truyền thông đa phương tiện liên quan đến học phần					
	PLO 1	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10
Trình độ năng lực	4.0	4.0	5.0	4.0	5.0	4.0
Mức độ giảng dạy ITU	ITU	U	U	U	U	U

Chuẩn đầu ra chi tiết của học phần Truyền thông số được thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Mô tả danh mục chuẩn đầu ra học Truyền thông số đáp ứng chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
G1.1	Nhận diện và phân loại các loại hình truyền thông số phổ biến.		PLO 1, PLO 3
G1.2	Mô tả sự phát triển và tác động của truyền thông số trong bối cảnh toàn cầu và Việt Nam.	4.0	PLO 1, PLO 5
G2.1	Phân tích các công nghệ quan trọng trong truyền thông số như AI, Big Data, Blockchain	5.0	PLO 2, PLO 6
G2.2	Đánh giá ảnh hưởng của công nghệ mới đến sự thay đổi trong ngành truyền thông số	5.0	PLO 6, PLO 7
G3.1	Xác định vai trò của truyền thông số đối với doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân	4.0	PLO 5, PLO 7
G3.2	Nhận diện và phân tích các vấn đề đạo đức, pháp lý liên quan đến truyền thông số	4.0	PLO 5, PLO 6, PLO 7

6. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Buổi 1	Chương 1: Tổng quan về kỹ thuật số	4	0	0	0	0	G1.1	Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
								và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao.	
	Khái niệm về kỹ thuật số								
	Phân biệt kỹ thuật số và kỹ thuật								
	Sự hình thành và phát triển của kỹ thuật số								
	Vai trò, đặc trưng của kỹ thuật số							Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao.	
Buổi 2	Chương 2: Các loại hình truyền thông nền tảng kỹ thuật số	4					G2.1		
	Phát thanh – Truyền hình								
	Báo trực tuyến – Trang thông tin điện tử tổng hợp – Cổng thông tin								
	Xuất bản trực tuyến								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Buổi 3	Mạng xã hội – Diễn đàn – Blog - Fanpage	4					G2.1		
	Các trang web thương mại, dịch vụ, giải trí								
Buổi 4	Chương 3: Các sản phẩm truyền thông số và xu hướng phát triển	4					G3.1	Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao.	
	Sản phẩm ngôn từ - văn bản								
	Sản phẩm âm thanh								
	Sản phẩm hình ảnh – đồ họa								
	Sản phẩm video - animation	4					G3.2		
Buổi 5	Sản phẩm tích hợp – tương tác								
	Xu hướng phát triển thế giới								
	Thực tế trong môi trường truyền thông tại Việt Nam								
Buổi 6	Chương 4: Sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện	5					G3.2	Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học.	



Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
								Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao.	
	Khái niệm truyền thông đa phương tiện								
	Các yếu tố cấu thành sản phẩm truyền thông đa phương tiện								
	Kỹ thuật viết nội dung, làm kịch bản								
Buổi 7	Kỹ thuật sản xuất âm thanh, hình ảnh, video tích hợp	5					G3.2		
	Kỹ thuật đóng gói và phân phối sản phẩm truyền thông đa phương tiện								

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Theo quy chế đào tạo 103/ĐHCN-MĐ

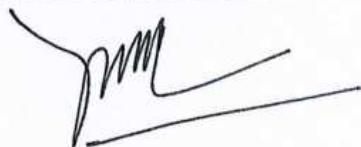
Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CĐR môn học	Tiêu chí đánh giá	Chuẩn đánh giá	Tỷ lệ
	A1.1. Đánh giá chuyên cần	G3	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. Thời gian tham dự buổi học từ 80% trở lên. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm.	Tham dự đúng, đủ giờ học. Tích cực tham gia thảo luận, đóng góp xây dựng bài	10%

A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1. Tham gia hoạt động của lớp (bài tập báo cáo tiến độ và thực hành nhóm)	G1.1, G1.2, G2.1, G2.2, G3.1, G3.2,	<u>Kiến thức</u> : các chủ đề lý thuyết và thực hành <u>Kỹ năng</u> : trình bày rõ ràng, mạch lạc <u>Thái độ</u> : tự tin, độc lập, có sự chuẩn bị	Khả năng làm việc nhóm, sáng tạo và ứng dụng kiến thức chuyên ngành	10%
	A2.2. Bài kiểm tra giữa kỳ (Báo cáo và thuyết trình sơ bộ)	G1.1, G1.2, G2.1, G2.2, G3.1, G3.2,	<u>Kiến thức</u> : lý thuyết liên quan đến chuyên môn <u>Kỹ năng</u> : tư duy sáng tạo, giải quyết vấn đề. <u>Thái độ</u> : tự tin, độc lập, trung thực, cẩn thận	Phân tích vấn đề, ứng dụng công cụ và đề xuất giải pháp	20 %
	A3.1. Báo cáo cuối kỳ	G1 G2 G3	<u>Kiến thức</u> : tổng hợp <u>Kỹ năng</u> : tiêu chí kỹ thuật, sáng tạo và độ chính xác <u>Thái độ</u> : tự tin, độc lập, có sự chuẩn bị	Kiến thức tổng hợp, kỹ năng trình bày, phản biện	60%

8. MA TRẬN CÂU HỎI THI

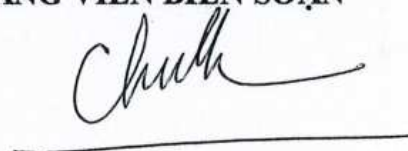
STT	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Thi tự luận: 60 phút	60%

P. TRƯỞNG KHOA



ThS. Phạm Thành Trung

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



TS. Phan Công Chính

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TRUYỀN THÔNG TƯƠNG TÁC

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần: Truyền thông tương tác
- Mã học phần: 06CQ1218
- Số tín chỉ: 3
- Trình độ: Đại học
- Môn học tiên quyết:
- Môn học song hành:
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: (không)
- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☒		Chuyên nghiệp ☒			
		Cơ sở ngành ☐		Chuyên ngành ☒	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐

- Phân tích thời lượng làm việc của GV và SV:

TỔNG SỐ TIẾT LÊN LỚP		tiết	TỔNG SỐ TIẾT TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN		tiết
Lý thuyết:	45	tiết	Đọc tài liệu ở nhà:	105	tiết
Thực hành:		tiết	Làm bài tập ở nhà:		tiết
Thảo luận / Thuyết trình:		tiết	Làm việc nhóm:		tiết
Hoạt động khác:		tiết			

2. MÔ TẢ VẤN TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN

Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng về truyền thông tương tác, bao gồm các nguyên lý, công nghệ, công cụ và phương thức tạo ra nội dung truyền thông có tính tương tác cao. Sinh viên sẽ được tìm hiểu về các nền tảng truyền thông tương tác như mạng xã hội, website, ứng dụng di động, truyền thông thực tế ảo (VR/AR), game tương tác, v.v. Đồng thời, học phần hướng dẫn cách thiết

kế và triển khai các chiến lược truyền thông tương tác nhằm tối ưu hóa trải nghiệm người dùng và hiệu quả truyền thông.

3. NGUỒN HỌC LIỆU

- Tài liệu/giáo trình chính: [1]McStay, A. (2016). *Interactive Media: The Semiotics of Embodied Interaction*. Routledge. [2] Jenkins, H. (2006). *Convergence Culture: Where Old and New Media Collide*. NYU Press.
- Tài liệu tham khảo/bổ sung:.

4. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

MT	Mô tả	CĐR của CTĐT	TĐNL
G ₁	Hiểu được các khái niệm, nguyên lý cơ bản và các công nghệ trong truyền thông tương tác.	PLO1, PLO3	4
G ₂	Phân tích và đánh giá các mô hình, nền tảng và công cụ truyền thông tương tác.	PLO 5 ,PLO 6	4
G ₃	Vận dụng các công cụ và phương pháp để thiết kế, phát triển và triển khai nội dung truyền thông tương tác.	PLO7, PLO9	5

5. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

Kết quả phân tích mối liên hệ giữa CĐR học phần Truyền thông tương tác với CĐR Chương trình đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện được thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1: Mô tả phân nhiệm chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo Truyền thông đa phương tiện cho học phần Truyền thông tương tác

Học phần Truyền thông tương tác	Các chuẩn đầu ra cấp độ ITU của Chương trình đào tạo Truyền thông đa phương tiện phân nhiệm cho học phần						
	PLO 1	PLO 2	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10
Trình độ năng lực	4.0	4.0	4.0	5.0	4.0	5.0	4.0
Mức độ giảng dạy ITU	ITU	TU	U	U	U	U	U

Chuẩn đầu ra chi tiết của học Truyền thông tương tác được thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Mô tả danh mục chuẩn đầu ra học phần Truyền thông tương tác đáp ứng chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
G1.1	Trình bày các khái niệm, nguyên lý và vai trò của truyền thông tương tác.	4.0	PLO 1
G1.2	Nhận diện các công nghệ cốt lõi trong truyền thông tương tác như AI, AR/VR, blockchain, big data.	4.0	PLO 6
G2.1	Phân tích các đặc điểm, ưu nhược điểm của các nền tảng truyền thông tương tác (mạng xã hội, website, ứng dụng di động, v.v.).	5.0	PLO 7, PLO 9
G2.2	Đánh giá hiệu quả của các chiến lược truyền thông tương tác dựa trên dữ liệu người dùng và chỉ số đo lường.	5.0	PLO 7, PLO 9
G3.1	Ứng dụng các công cụ thiết kế và lập trình để tạo nội dung truyền thông tương tác.	4.0	PLO 8, PLO 10
G3.2	Xây dựng, triển khai các dự án truyền thông tương tác phù hợp với từng đối tượng và bối cảnh cụ thể.	4.0	PLO 8, PLO 10

6. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		L1	L2	L3	L4				
	Chương 1: Tổng quan về truyền thông tương tác		0	0	0	0	G1.1	Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
								và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao.	
	Khái niệm, đặc điểm và vai trò của truyền thông tương tác								
	Lịch sử phát triển và các xu hướng truyền thông tương tác								
	So sánh truyền thông truyền thống và truyền thông tương tác								
	Các lĩnh vực ứng dụng của truyền thông tương tác								
	Chương 2: Nền tảng và công nghệ truyền thông tương tác						G1.2	Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao.	
	Chương 3 Hành vi người dùng và trải nghiệm tương tác						G1.2	Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học.	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
								Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao.	
	Các mô hình giao tiếp tương tác								
	Hành vi người dùng trong môi trường số								
	Tâm lý học trong truyền thông tương tác								
	Thiết kế trải nghiệm người dùng (UX/UI)								
	Chương 4: Chiến lược và đo lường hiệu quả truyền thông tương tác						G2.3	Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao.	



Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	Các mô hình chiến lược truyền thông tương tác								
	Phân tích dữ liệu người dùng và cá nhân hóa nội dung								
	Các chỉ số đo lường hiệu quả truyền thông (Engagement, CTR, ROI, v.v.)								
	Các công cụ đo lường và tối ưu hóa truyền thông tương tác								
	Chương 5: Thực hành xây dựng nội dung truyền thông tương tác						G2.3	Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao.	
	Công cụ và kỹ thuật thiết kế nội dung tương tác								
	Kịch bản và storytelling trong truyền thông tương tác								
	Tổng	45							

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Theo quy chế đào tạo 103/DH-CNMĐ

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CBR môn học	Tiêu chí đánh giá	Chuẩn đánh giá	Tỷ lệ
------------------------	--------------	----------------	-------------------	----------------	-------

	A1.1. Đánh giá chuyên cần	G3	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. Thời gian tham dự buổi học từ 80% trở lên. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm.	Tham dự đúng, đủ giờ học. Tích cực tham gia thảo luận, đóng góp xây dựng bài	10%
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1. Tham gia hoạt động của lớp (<i>bài tập báo cáo tiến độ và thực hành nhóm</i>)	G1.1, G1.2, G2.1, G2.2, G3.1, G3.2,	<u>Kiến thức</u> : các chủ đề lý thuyết và thực hành <u>Kỹ năng</u> : trình bày rõ ràng, mạch lạc <u>Thái độ</u> : tự tin, độc lập, có sự chuẩn bị	Khả năng làm việc nhóm, sáng tạo và ứng dụng kiến thức chuyên ngành	10%
	A2.2. Bài kiểm tra giữa kỳ (<i>Báo cáo và thuyết trình sơ bộ</i>)	G1.1, G1.2, G2.1, G2.2, G3.1, G3.2,	<u>Kiến thức</u> : lý thuyết liên quan đến chuyên môn <u>Kỹ năng</u> : tư duy sáng tạo, giải quyết vấn đề. <u>Thái độ</u> : tự tin, độc lập, trung thực, cẩn thận	Phân tích vấn đề, ứng dụng công cụ và đề xuất giải pháp	20 %
A3. Đánh giá kết thúc	A3.1. Báo cáo cuối kỳ	G1 G2 G3	<u>Kiến thức</u> : tổng hợp <u>Kỹ năng</u> : tiêu chí kỹ thuật, sáng tạo và độ chính xác <u>Thái độ</u> : tự tin, độc lập, có sự chuẩn bị	Kiến thức tổng hợp, kỹ năng trình bày, phân biện	60%

4 C
TRI
ĐẠ
ÔN
IỀN

8. MA TRẬN CÂU HỎI THI

STT	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Sản xuất một sản phẩm truyền thông theo nhóm, báo cáo và thuyết trình sản phẩm	60%

P. TRƯỞNG KHOA



ThS. Phạm Thành Trung

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Th.S Nguyễn Thị Phụng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần: Ứng dụng Đồ họa Đa phương tiện Nâng cao
- Tên Tiếng anh: Advanced Multimedia Graphic Design Applications
- Mã học phần: 06CQ1238
- Số tín chỉ: 03
- Trình độ: Dành cho sinh viên năm thứ ba
- Môn học tiên quyết: Cơ sở Đồ họa Đa phương tiện, Thiết kế Đồ họa số
- Môn học song hành: (nếu có)
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: Không
- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☒				
		Cơ sở ngành ☐		Chuyên ngành ☒		Bổ trợ ☐
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Tự chọn ☐

- Phân tích thời lượng làm việc của GV và SV:

TỔNG SỐ TIẾT LÊN LỚP	45	tiết	TỔNG SỐ TIẾT TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN	90	tiết
Lý thuyết (LT):	15	tiết	Đọc tài liệu ở nhà (TH):	30	tiết
Thực hành (TH):	20	tiết	Làm bài tập ở nhà (BT):	30	tiết
Thảo luận / Thuyết trình (TL):	5	tiết	Làm việc nhóm (N):	30	tiết
Hoạt động khác (KH):	5	tiết			

1. MÔ TẢ VẮN TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN

Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức chuyên sâu về các công cụ và kỹ thuật nâng cao trong đồ họa đa phương tiện. Nội dung học tập bao gồm:

- Các khái niệm và nguyên tắc nâng cao trong xử lý hình ảnh, hiệu ứng video, đồ họa 3D, motion graphics và thiết kế tương tác.
- Ứng dụng phần mềm tiên tiến như Adobe After Effects, Cinema 4D và các công cụ hỗ trợ khác.
- Thực hành qua các dự án nhóm và cá nhân nhằm phát triển kỹ năng sáng tạo, quản lý dự án và đánh giá sản phẩm đồ họa theo tiêu chuẩn kỹ thuật và thẩm mỹ.

2. NGUỒN HỌC LIỆU

Tài liệu/giáo trình chính:

- *Adobe After Effects CC Classroom in a Book* (phiên bản mới nhất)
- *Cinema 4D: The Artist's Toolkit*

Tài liệu tham khảo/bổ sung:

- *Adobe Photoshop CC – The Missing Manual*
- Các video hướng dẫn và bài giảng online từ www.lynda.com và www.udemy.com

Trang Web/CDs tham khảo:

- www.adobe.com
- www.maxon.net

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

MT	Mô tả	Chỉ số CTĐT	TĐNL
G1	Hiểu, mô tả và áp dụng được các khái niệm và nguyên tắc nâng cao trong đồ họa đa phương tiện Giải thích và vận dụng thành thạo các phần mềm và công cụ đồ họa nâng cao để tạo hiệu ứng và chuyển động Phân biệt, phân tích, đánh giá và tối ưu hóa sản phẩm đồ họa dựa trên tiêu chuẩn kỹ thuật và thẩm mỹ.	PLO 1	4.0
		PLO 2	
		PLO 3	
		PLO 4	
		PLO 5	5.0
		PLO 6	
		PLO 7	
G2	Phát triển kỹ năng thực hành qua dự án thực tế, từ ý tưởng đến sản phẩm hoàn chỉnh	PLO 8	4.0
		PLO 9	

G3	Trung thực, tích cực học tập, nghiên cứu.	PLO 10	3.0
----	---	--------	-----

5. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

Kết quả phân tích mối liên hệ giữa CDR học phần với CDR Chương trình đào tạo.

Bảng 1: Mô tả phân nhiệm chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện.

Học phần	Các chuẩn đầu ra cấp độ ITU của Chương trình đào tạo ngành phân nhiệm cho học phần Ứng dụng Đồ họa Đa phương tiện Nâng cao									
	PLO1	PLO 2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
Trình độ năng lực	4.0	4.0	4.0	4.0	4.0	4.0	5.0	4.0	4.0	3.0
Mức độ giảng dạy ITU	TU4	TU4	TU4	TU4	TU4	TU4	U4	U3	U3	U3

- **Bảng 2.** Mô tả danh mục chuẩn đầu ra học phần Ứng dụng Đồ họa Đa phương tiện Nâng cao đáp ứng chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện.

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
G1.1	Hiểu, áp dụng và giải thích được các khái niệm, nguyên tắc nâng cao trong đồ họa đa phương tiện	4.0	PLO 1 PLO 2 PLO 3
	Sử dụng thành thạo các phần mềm đồ họa nâng cao để tạo hiệu ứng đặc sắc		PLO 4 PLO 5
	Đánh giá và đề xuất giải pháp cải tiến sản phẩm dựa trên các tiêu chí kỹ thuật và thẩm mỹ	5.0	PLO 6 PLO 7
G2.1	Kỹ năng thực hiện dự án đồ họa từ ý tưởng đến sản phẩm hoàn chỉnh qua làm việc nhóm và cá nhân	4.0	PLO 8 PLO 9
G3.1	Trung thực, tích cực học tập, nghiên cứu.	3.0	PLO 10

6. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY CHI TIẾT

Tuần/ Buổi	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Hoạt động tự học			Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học/ Đánh giá
		LT	HT	TL	KH	TH	BT	N		
1	Giới thiệu môn học; Tổng quan về đồ họa đa phương tiện nâng cao	2	0	0	0	3	3	0	G 1 G2 G3	Giới thiệu mục tiêu, nội dung và cấu trúc môn học Kiểm tra nhanh, câu hỏi ngắn
2	Các nguyên tắc và khái niệm nâng cao trong đồ họa: xử lý hình ảnh, hiệu ứng video	2	1	1	0	3	3	3	G 1 G2 G3	Bài tập ngắn Thảo luận ví dụ thực tiễn; phân tích các hiệu ứng cơ bản
3	Thực hành với Adobe After Effects: Giao diện, công cụ cơ bản và thao tác đầu tiên	1	2	0	0	3	3	3	G 1 G2 G3	Hướng dẫn thao tác cơ bản trên After Effects Bài tập thực hành
4	Kỹ thuật tạo hiệu ứng chuyển động và xử lý video nâng cao trong After Effects	1	1	0	0	3	3	3	G 1 G2 G3	Thực hành tạo hiệu ứng chuyển động đơn giản Báo cáo nhóm, nộp sản phẩm
5	Giới thiệu Cinema 4D và ứng dụng trong đồ họa 3D	1	2	0	0	3	3	3	G 1 G2 G3	Thực hành tạo hiệu ứng chuyển động đơn giản Báo cáo nhóm, nộp sản phẩm
6	Kỹ thuật tạo đồ họa 3D và motion graphics sử dụng Cinema 4D	1	2	0	0	3	3	3	G 1 G2 G3	Thực hành tạo mô hình 3D và áp dụng hiệu ứng chuyển động Báo cáo nhóm, nộp sản phẩm
7	Ứng dụng các plugin và hiệu ứng đặc biệt trong After Effects	2	1	1	1	3	3	3	G 1 G2 G3	Thực hành áp dụng plugin và hiệu ứng nâng cao Bài tập nhóm
8	Dự án: Lập ý tưởng và xây dựng storyboard cho sản phẩm đồ họa nâng cao	2	1	0	0	3	3	3	G 1 G2 G3	Thực hành lập storyboard và dựng ý tưởng cho dự án Nộp bài tập, báo cáo nhóm

Tuần/ Buổi	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Hoạt động tự học			Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học/ Đánh giá
		L1	L2	L3	L4	TH	BT	N		
9	Quản lý dự án đồ họa: Lập kế hoạch và thực hiện dự án nhóm	1	4	0	1	3	3	3	G1 G2 G3	Thực hành lập kế hoạch dự án và triển khai sản phẩm Bài tập nhóm, báo cáo tiến độ
10	Hoàn thiện sản phẩm đồ họa và đánh giá kết quả	1	4	1	2	3	3	3	G1 G2 G3	Trình bày sản phẩm cuối cùng, nhận xét từ giảng viên Thuyết trình nhóm, báo cáo cuối
11	Ôn tập và kiểm tra cuối kỳ	1	2	2	1	0	0	3	G1 G2 G3	Ôn tập tổng hợp kiến thức, làm bài kiểm tra cuối kỳ Thi viết cuối kỳ
Tổng		15	20	5	5	90				

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Theo quy chế đào tạo 103/ĐHCNMF

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CBR môn học	Tiêu chí đánh giá	Chuẩn đánh giá	Tỷ lệ
	A1.1. Đánh giá chuyên cần	G3	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bảo và tham gia các hoạt động trong giờ học. Thời gian tham dự buổi học từ 80% trở lên. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm.	Tham dự đúng, đủ giờ học. Tích cực tham gia thảo luận, đóng góp xây dựng bài	10%
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1. Tham gia hoạt động của lớp	G1.1, G1.2, G2.1, G2.2, G3.1, G3.2,	<u>Kiến thức</u> : các chủ đề lý thuyết và thực hành <u>Kỹ năng</u> : trình bày rõ ràng, mạch lạc <u>Thái độ</u> : tự tin, độc lập, có sự chuẩn bị	Giải quyết đúng yêu cầu đề bài (ý tưởng) Thông tin trình bày rõ ràng, tự tin.	10%
	A2.2. Bài kiểm tra giữa kỳ (Báo cáo dự án trung gian)	G1.1, G1.2, G2.1, G2.2, G3.1, G3.2,	<u>Kiến thức</u> : lý thuyết về đồ họa đa phương tiện <u>Kỹ năng</u> : kỹ thuật quay, dựng hậu kỳ. <u>Thái độ</u> : tự tin, độc lập, trung thực, cẩn thận	Tiến độ, nội dung đạt yêu cầu Kỹ thuật quay, dựng hậu kỳ tốt Trung thực, cẩn thận, hạn chế các lỗi.	20 %
A3. Đánh giá kết thúc	A3.1. Sản phẩm cá nhân Dự án phim hoặc quảng cáo hoàn chỉnh	G1 G2 G3	<u>Kiến thức</u> : các chủ đề bám theo các đơn vị bài học và nội dung ôn tập <u>Kỹ năng</u> : tiêu chí kỹ thuật,	Giải quyết đúng yêu cầu đề bài, có tính cá nhân, sáng tạo.	

	sáng tạo và độ chính xác Thái độ: tự tin, độc lập, có sự chuẩn bị	Đánh giá theo mức độ hiểu biết và khả năng phân tích. Đánh giá theo tiêu chí kỹ thuật, sáng tạo và độ chính xác. Đánh giá theo cách áp dụng kỹ thuật vào sản phẩm thực tế.	60%
--	--	--	-----

8. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Mục đánh giá A2.

Hạng mục	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Trọng số
Ứng dụng phần mềm	Sử dụng công cụ thiết kế và quản lý đồ họa (After Effects, Cinema 4D, Trello, Asana, v.v.)	Mức độ thành thạo, ứng dụng phù hợp trong dự án	30%
Phân tích ý tưởng	Đánh giá tính khả thi, sáng tạo và khả năng triển khai của ý tưởng	Ý tưởng rõ ràng, sáng tạo, có tính thực tiễn	30%
Trình bày báo cáo	Hình thức báo cáo, bố cục rõ ràng, súc tích, có dẫn chứng minh họa	Bố cục hợp lý, logic, thể hiện chuyên nghiệp	20%
Đề xuất và điều chỉnh	Đưa ra nhận xét và giải pháp cải thiện dự án	Đề xuất thực tế, khả thi, có giá trị cải thiện dự án	20%

Mục đánh giá A3.

I. Nội dung & Kịch bản (30%)

Tiêu chí	Mô tả đánh giá	Thang điểm (10 điểm)	Tỷ lệ (%)
1. Ý tưởng & tính sáng tạo	Ý tưởng độc đáo, phù hợp với thông điệp truyền tải.	3.0	30%
2. Cấu trúc kịch bản	Kịch bản rõ ràng, mạch lạc, có cao trào, kết thúc hợp lý.	3.0	30%
3. Khả năng truyền tải thông điệp	Nội dung hấp dẫn, truyền tải được thông điệp chính xác và hiệu quả.	4.0	40%
Tổng cộng	Đánh giá tổng thể về ý tưởng & nội dung kịch bản	10.0	100%

II. Chất lượng hình ảnh & đồ họa (30%)

Tiêu chí	Mô tả đánh giá	Thang điểm (10 điểm)	Tỷ lệ (%)
1. Kỹ thuật quay dựng & bố cục khung hình	Góc quay, bố cục hợp lý, có tính thẩm mỹ.	3.0	30%
2. Chất lượng đồ họa & hiệu ứng	Hiệu ứng hình ảnh phù hợp, hỗ trợ tốt cho nội dung.	3.0	30%
3. Màu sắc & ánh sáng	Màu sắc hài hòa, ánh sáng rõ ràng, tạo cảm xúc cho người xem.	4.0	40%

Tiêu chí	Mô tả đánh giá	Thang điểm (10 điểm)	Tỷ lệ (%)
Tổng cộng	Đánh giá tổng thể về chất lượng hình ảnh & đồ họa	10.0	100%

III. Âm thanh & Hiệu ứng (20%)

Tiêu chí	Mô tả đánh giá	Thang điểm (10 điểm)	Tỷ lệ (%)
1. Chất lượng âm thanh	Âm thanh rõ ràng, không bị nhiễu hoặc mất tiếng.	4.0	40%
2. Nhạc nền & hiệu ứng âm thanh	Nhạc nền phù hợp với nội dung, hiệu ứng âm thanh hỗ trợ tốt cảm xúc.	3.0	30%
3. Lồng tiếng/Thuyết minh	Giọng đọc rõ ràng, phù hợp với ngữ cảnh.	3.0	30%
Tổng cộng	Đánh giá tổng thể về âm thanh & hiệu ứng	10.0	100%

IV. Tính chuyên nghiệp & Hoàn thiện sản phẩm (20%)

Tiêu chí	Mô tả đánh giá	Thang điểm (10 điểm)	Tỷ lệ (%)
1. Độ mượt mà & kết nối giữa các cảnh quay	Cảnh chuyển mượt mà, không bị rời rạc.	5.0	50%
2. Hoàn thiện tổng thể	Sản phẩm không có lỗi kỹ thuật lớn, chất lượng xuất file tốt.	5.0	50%
Tổng cộng	Đánh giá về mức độ chuyên nghiệp của sản phẩm	10.0	100%

V. Tổng hợp điểm cuối kỳ

Phần thi	Tỷ lệ (%)	Thang điểm (10 điểm)
Nội dung & Kịch bản	30%	3.0
Chất lượng hình ảnh & đồ họa	30%	3.0
Âm thanh & Hiệu ứng	20%	2.0
Tính chuyên nghiệp & Hoàn thiện sản phẩm	20%	2.0
Tổng cộng	100%	10.0

P. TRƯỞNG KHOA

ThS. Phạm Thành Trung

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Phan Công Chính

1. 2. 3. 4. 5. 6. 7. 8. 9. 10.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN ỨNG DỤNG ĐỒ HOẠ ĐA PHƯƠNG TIỆN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần: Ứng dụng đồ họa đa phương tiện
- Mã học phần: 06CQ1223
- Số tín chỉ: 3
- Trình độ: Đại học
- Môn học tiên quyết:
- Môn học song hành:
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: (không)
- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☐				
		Cơ sở ngành ☐		Chuyên ngành ☒		Bổ trợ ☐
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Tự chọn ☐

- Phân tích thời lượng làm việc của GV và SV:

TỔNG SỐ TIẾT LÊN LỚP			tiết	TỔNG SỐ TIẾT TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN			tiết
Lý thuyết:			30	Đọc tài liệu ở nhà:			105
Thực hành:			15	Làm bài tập ở nhà:			tiết
Thảo luận / Thuyết trình:			tiết	Làm việc nhóm:			tiết
Hoạt động khác:			tiết				

2. MÔ TẢ VẤN TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN

Học phần gồm 3 chương, cung cấp những kiến thức nền tảng trong việc ứng dụng ngành đồ họa đa phương tiện vào công việc chuyên môn về truyền thông xã hội. Nhằm giúp người học hiểu biết và sử dụng thành thạo, ứng dụng hiệu quả phần mềm Photoshop, Illustrator. Người học được hướng dẫn cụ thể về các loại ấn phẩm và cách thiết kế. Ngoài ra, học phần cũng giới thiệu lĩnh vực thiết kế giao diện Website cho doanh nghiệp.

3. NGUỒN HỌC LIỆU

- Tài liệu/giáo trình chính: Nguyễn Minh Đức, *Căn bản về Photoshop CS tinh chỉnh và xử lý màu*, NXB giao thông vận tải, 2019
- Tài liệu tham khảo/bổ sung:
- Trang Web/CDs tham khảo

4. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

MT	Mô tả	CDR của CTĐT	TĐNL
G ₁	Cung cấp cho người học những kiến thức trong việc thực hiện xử lý ảnh kỹ thuật số từ đơn giản đến phức tạp và cách thiết kế sản phẩm trong lĩnh vực in ấn quảng cáo và thiết kế website	PLO 1, PLO 3 PLO 4 PLO 6 PLO 7	4
G ₂	Cung cấp cho người học kiến thức về đồ họa vector, khai thác và sử dụng các điểm mạnh của phần mềm thiết kế Adobe Illustrator và phương pháp thiết kế có giá trị thực tiễn	PLO 2, PLO 4 PLO 9	4
G ₃	Phát triển kỹ năng phối hợp linh hoạt giữa những phần mềm 1 cách hiệu quả	PLO5, PLO 7 PLO 10	4

5. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

Kết quả phân tích mối liên hệ giữa CDR học phần Ứng dụng đồ họa đa phương tiện với CDR Chương trình đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện được thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1: Mô tả phân nhiệm chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo Truyền thông đa phương tiện cho học phần Ứng dụng đồ họa đa phương tiện.

Học phần Ứng dụng đồ họa đa phương tiện	Các chuẩn đầu ra cấp độ ITU của Chương trình đào tạo Truyền thông đa phương tiện phân nhiệm cho học phần							
	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 8	PLO 9
Trình độ năng lực	4.0	4.0	5.0	4.0	4.0	4.0	5.0	4.0
Mức độ giảng dạy ITU	ITU	U	U	U	U	U	U	U

Chuẩn đầu ra chi tiết của học phần Ứng dụng đồ họa đa phương tiện được thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Mô tả danh mục chuẩn đầu ra học Ứng dụng đồ họa đa phương tiện đáp ứng chuẩn

đầu ra Chương trình đào tạo

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
G1.1	Hiểu được các nguyên lý cơ bản về xử lý ảnh kỹ thuật số, bao gồm cách chỉnh sửa, cắt ghép, điều chỉnh màu sắc và phục chế ảnh.	4.0	PLO 3
G1.2	Ứng dụng các kỹ thuật xử lý ảnh để thiết kế sản phẩm cho lĩnh vực in ấn quảng cáo và thiết kế website, đảm bảo chất lượng đầu ra phù hợp với từng nền tảng.	4.0	PLO 4
G2.1	Nắm vững lý thuyết về đồ họa vector, sự khác biệt giữa vector và raster, cũng như cách sử dụng chúng trong thiết kế.	5.0	PLO 6
G2.2	Sử dụng thành thạo các công cụ và tính năng của phần mềm Adobe Illustrator để tạo ra các sản phẩm thiết kế chuyên nghiệp, từ logo, bộ nhận diện thương hiệu đến minh họa kỹ thuật số.	5.0	PLO 8
G3.1	Kết hợp hiệu quả giữa Adobe Photoshop, Illustrator và các phần mềm đồ họa khác để tối ưu hóa quy trình thiết kế.	4.0	PLO 9
G3.2	Đánh giá và lựa chọn công cụ phù hợp nhất cho từng giai đoạn thiết kế, đảm bảo hiệu suất làm việc và chất lượng sản phẩm cao.	4.0	PLO 7

6. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		L1	L2	L3	L4				
Buổi 1&2	Chương 1: xử lý ảnh với photoshop	8	0	0	0	0	G1.1 G1.2	Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động	
	Khái niệm về ảnh bitmap và vector								
	Giao diện màn hình								
	Khái niệm về vùng chọn, công cụ chọn								
	Kích thước file								
	Khái niệm layers, chức năng layers								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	Ứng dụng layers							trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao.	
Buổi 3&4	Khái niệm, hệ màu, cách tô màu nền và viền.	8					G1.2	Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao	
	Khái niệm về công cụ vẽ đường path								
	Văn bản trong photoshop								
	Cách tạo văn bản								
	Hiệu ứng chữ								
	Khái niệm, cách thức làm việc với Paste into								
	Khái niệm, cách thức làm việc với group								
	Khái niệm, cách thức làm việc với mặt nạ								
	Các lệnh liên quan đến hiệu chỉnh sáng tối								
Buổi 5	Tút chỉnh ảnh	4					G1.2	Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học.	
	Các loại hiệu ứng thông thường								
	Các loại hiệu ứng đặc biệt								
	Ứng dụng								
	Các khái niệm về web layout								
	Cách thiết kế và xuất bản								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
								Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao	
Buổi 6&7	Chương 2: Thiết kế ấn phẩm với Illustrator	8					G2.1	Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao	
	Không gian làm việc								
	Thao tác								
	Các panel								
	Artboard								
	Ractangle, Ellipse, Line, Star								
	Pentool								
	Giống hàng								
Buổi 8	Khái niệm về sự kết hợp đối tượng	4					G2.1	Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học.	

GIÁO

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
								Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao	
	Phương pháp và kỹ thuật kết hợp đối tượng								
	Các kỹ thuật chọn								
	Hệ màu, bảng màu								
	Kỹ thuật tô màu								
	Hiệu ứng màu								
Buổi 9	Giới thiệu các kiểu, loại văn bản	4					G2.2	Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời	
	Chuyển đổi văn bản thành đối tượng							Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học.	
	Typography							Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao	
	Khái niệm symbol								
	Thư viện								
	Các tạo và ứng dụng								
	Blend								
	Clipping mask								
	Perspective								
	Phối hợp với photoshop								
	Xuất bản ấn phẩm								
Buổi 10 &11	Chương 3: kỹ thuật dàn trang với Indesign	9					G3.1 G3.2	Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ	
	Giới thiệu tổng quan về dàn trang								
	Làm việc với phần mềm dàn trang Indesign								
	Thiết lập các thông số kỹ thuật								
	Văn bản và hình ảnh								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	Thiết lập tài liệu mới							và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao.	
	Page								
	Đổ văn bản vào tài liệu								
	Khái niệm tiết tấu phim								
	Các thành phần tạo nên tiết tấu phim								
	Xử lý tiết tấu phim ở giai đoạn hậu kỳ								
	Character style								
	Paragraph style								
	Column								
	Text wrap								
	Hình từ photoshop path								
	Master page								
	Công dụng								
	Cách sử dụng								
	Tách trang bìa								
	Lập book mới								
	Bố trí tài liệu vào book								
	Các xử lý quản lý book								
	Đóng gói báo/tạp chí chuyển nhà in								
	Tổng	45							

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Theo quy chế đào tạo 103/ĐHCNMD

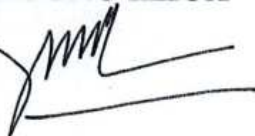
Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CĐR môn học	Tiêu chí đánh giá	Chuẩn đánh giá	Tỷ lệ
	A1.1. Đánh giá chuyên cần	G3	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. Thời gian tham dự buổi học từ 80% trở lên. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm.	Tham dự đúng, đủ giờ học. Tích cực tham gia thảo luận, đóng góp xây dựng bài	10%

A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1. Tham gia hoạt động của lớp (<i>bài tập báo cáo tiến độ và thực hành nhóm</i>)	G1.1, G1.2, G2.1, G2.2, G3.1, G3.2,	<u>Kiến thức</u> : các chủ đề lý thuyết và thực hành <u>Kỹ năng</u> : trình bày rõ ràng, mạch lạc <u>Thái độ</u> : tự tin, độc lập, có sự chuẩn bị	Khả năng làm việc nhóm, sáng tạo và ứng dụng kiến thức chuyên ngành	10%
	A2.2. Bài kiểm tra giữa kỳ (<i>Báo cáo và thuyết trình sơ bộ</i>)	G1.1, G1.2, G2.1, G2.2, G3.1, G3.2,	<u>Kiến thức</u> : lý thuyết liên quan đến chuyên môn <u>Kỹ năng</u> : tư duy sáng tạo, giải quyết vấn đề. <u>Thái độ</u> : tự tin, độc lập, trung thực, cẩn thận	Phân tích vấn đề, ứng dụng công cụ và đề xuất giải pháp	20 %
	A3.1. Báo cáo cuối kỳ	G1 G2 G3	<u>Kiến thức</u> : tổng hợp <u>Kỹ năng</u> : tiêu chí kỹ thuật, sáng tạo và độ chính xác <u>Thái độ</u> : tự tin, độc lập, có sự chuẩn bị	Kiến thức tổng hợp, kỹ năng trình bày, phản biện	60%

8. MA TRẬN CÂU HỎI THI

STT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
01	Kết thúc học phần	Trắc nghiệm, thời gian làm bài 75 phút	60%

P. TRƯỞNG KHOA



ThS. Phạm Thành Trung

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ThS. Hồ Anh Tuấn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIN HỌC ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN 1

1) THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần: Tin học ứng dụng CNTT cơ bản 1
- Mã học phần: 06CQ0044
- Số tín chỉ: 03
- Trình độ: Đại học chính quy
- Môn học tiên quyết: (không)
- Môn học song hành: (không)
- Môn học trước: (không)
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: (không)
- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☒		Chuyên nghiệp ☐			
Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Cơ sở ngành ☐		Chuyên ngành ☐	
		Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐

- Phân tích thời lượng làm việc của giảng viên và sinh viên:

TỔNG SỐ TIẾT LÊN LỚP	75	tiết	TỔNG SỐ TIẾT TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN	90	tiết
<i>Lý thuyết:</i>	15	tiết	<i>Đọc tài liệu ở nhà:</i>	30	tiết
<i>Thực hành:</i>	60	tiết	<i>Làm bài tập ở nhà:</i>	40	tiết
<i>Thảo luận / Thuyết trình:</i>	0	tiết	<i>Làm việc nhóm:</i>	20	tiết
<i>Hoạt động khác:</i>	0	tiết			

2) MÔ TẢ VẤN TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN

- Vị trí của môn học: Môn học giúp sinh viên có những nhận thức đầu tiên về quá trình phát triển của máy tính nói riêng và công nghệ thông tin nói chung. Bước đầu giúp sinh viên tiếp cận với máy tính, hệ điều hành máy tính, sử dụng thành thạo một số phần mềm thông dụng, cách sử dụng Internet phục vụ mục đích học tập và

nghiên cứu. Chính vì vậy môn học nên bố trí vào năm thứ nhất.

- Vai trò của môn học: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về máy tính, cấu tạo của máy tính, cách xử lý thông tin trên máy tính điện tử. Khái niệm về hệ điều hành, làm quen với hệ điều hành Windows và các thao tác cơ bản trên hệ điều hành Windows, hướng dẫn sinh viên hiểu về mạng máy tính, cách khai thác các tiện ích, các nguồn tài nguyên trên mạng.
- Kiến thức trang bị cho sinh viên: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tin học: Khái niệm về thông tin, xử lý thông tin; Hệ điều hành Windows; Mạng máy tính và Internet; Các kỹ năng soạn thảo và trình bày văn bản Word; Sử dụng thành thạo bảng tính Excel giải quyết các bài toán thực tế; Thiết kế các thuyết trình chuyên nghiệp.

3) NGUỒN HỌC LIỆU

a) Tài liệu/giáo trình chính

[5] Giáo trình ứng dụng CNTT cơ bản trường Đại học Công nghệ Miền Đông

b) Tài liệu tham khảo/bổ sung

[6] Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014

4) MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Mục tiêu	Mô tả	CDR của CTĐT	Trình độ năng lực
G1	- Những kiến thức cơ bản về sử dụng máy tính, quản lý tệp tin, xử lý văn bản, sử dụng bảng tính, sử dụng trình chiếu, Internet	PLO1	3.0
G2	- Kỹ năng sử dụng thành thạo hệ điều hành Window, phần mềm MS Word, MS Excel, MS Powerpoint và Internet trong công việc.	PLO6	3.0
G3	- Vận dụng các kiến thức vào việc xử lý định dạng trang trí văn bản, giải quyết các bài toán Excel cụ thể, tạo ra các bài thuyết trình đáp ứng nhu	PLO6 PLO11 PLO12	2.0

	cầu công việc		
G4	- Có phẩm chất đạo đức, kỷ luật tốt, nhận biết, phân tích giải quyết sáng tạo và hiệu quả những vấn đề trong các bài toán thực tế.	PLO13 PLO15	2.0

5) CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

- Kết quả phân tích mối liên hệ giữa CĐR học phần Tin học ứng dụng CNTT cơ bản 1 với CĐR Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh được thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1: Mô tả phân nhiệm chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh cho học phần Tin học ứng dụng CNTT cơ bản 1

Học phần Tin học ứng dụng CNTT cơ bản 1	Các CĐR cấp độ 2 và 3 của Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh phân nhiệm cho học phần Tin học ứng dụng CNTT cơ bản 1				
Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO6	PLO11	PLO12	PLO13
Trình độ năng lực	3.0	3.0	2.0	2.0	2.0
Mức độ giảng dạy ITU	TU2	TU2	TU2	TU2	TU2
Chuẩn đầu ra	PLO15				
Trình độ năng lực	2.0				
Mức độ giảng dạy ITU	TU2				

- Chuẩn đầu ra chi tiết của học phần Tin học ứng dụng CNTT cơ bản 1 được thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Mô tả danh mục chuẩn đầu ra học phần Tin học ứng dụng CNTT cơ bản 1 đáp ứng chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh.

Kí hiệu CĐR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CĐR của CTĐT tương ứng
G1.1	- Những kiến thức cơ bản về sử dụng máy tính, quản lý tệp tin, xử lý văn bản, sử dụng bảng tính, sử dụng trình chiếu, Internet.	3.0	PLO1
G1.2	- Hiểu được việc sử dụng hệ điều	3.0	PLO1

	hành Windows trong việc quản lý tập tin, thư mục, quản lý dữ liệu, sử dụng được phần mềm nén dữ liệu Winrar, phần mềm gõ tiếng việt Unikey		PLO6
G2.1	- Hiểu và vận dụng được phần mềm soạn thảo văn bản MS Word 2016 trong việc lưu trữ, định dạng, in ấn dữ liệu.	3.0	PLO1 PLO6
G2.2	- Hiểu và vận dụng được phần mềm MS Excel 2016 trong việc tổ chức, tính toán dữ liệu.	3.0	PLO1 PLO6
G2.3	- Hiểu và vận dụng được phần mềm MS Powerpoint 2016 trong việc trình chiếu.	3.0	PLO1 PLO6
G3.1	- Hợp tác trong việc học tập. Thành lập nhóm, xác định được kế hoạch phân công công việc, làm việc nhóm hiệu quả.	2.0	PLO11 PLO13
G3.2	- Tìm kiếm, đọc và thu thập tài liệu liên quan đến môn Tin học ứng dụng CNTT cơ bản 1.	3.0	PLO6
G3.3	- Có kỹ năng thuyết trình và giao tiếp, làm việc nhóm	2.0	PLO11 PLO12
G4.1	- Có thái độ khách quan, trung thực. Có ý thức vận dụng kiến thức Tin học trong công việc.	2.0	PLO13 PLO15

6) KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Buổi	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	CĐR	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	Chương 1:	2	0	0		6	G1.1	Hoạt động	

HIỂU BIẾT VỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN 1.1. Thông tin và khoa học xử lý thông tin Thông tin Khoa học xử lý thông tin 1.2. Kiến thức cơ bản về máy tính và mạng máy tính 1.2.1 Phần cứng (Hardware) 1.2.2 Phần mềm (Software) 1.3 Các bộ phận chính của một máy tính cá nhân 1.3.1 Khối xử lý trung tâm 1.3.2 Bộ nhớ (Memory) 1.3.3 Các thiết bị vào/ra (Input/Output Device) 1.3.4 Các thiết						dạy : - Thuyết giảng trên lớp; - Hỏi - đáp trực tiếp; - Làm mẫu. - Giao bài đọc về nhà; - Hướng dẫn tự học. Hoạt động học: - Sinh viên tham gia nghe giảng; - Làm các bài thực hành được giao. - Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.	
--	--	--	--	--	--	---	--



bị ngoại vi (Peripheral Device)							
1.3.5 Các loại cổng							
1.4.Mạng máy tính và truyền thông							
1.4.1 Khái niệm							
1.4.2 Phân loại mạng							
1.5 Một số ứng dụng của công nghệ thông tin - truyền thông							
1.5.1. Một số ứng dụng trong hành chính công tại Việt Nam							
1.5.2 Một số ứng dụng phổ biến trong truyền thông							
1.5.3 An toàn lao động và bảo vệ môi trường trong sử dụng CNTT-TT							
1.6. Các vấn đề an toàn thông tin cơ bản khi làm							

	việc với máy tính 1.6.1 Khái niệm về Virus máy tính 1.6.2 Phương thức hoạt động của Virus 1.6.3 Phân loại virus 1.6.4 Cách nhận biết máy bị nhiễm virus 1.6.5 Cách phòng chống 1.6.6 Phòng tránh phần mềm độc hại (malware) 1.6.7 Một số vấn đề cơ bản liên quan đến pháp luật trong sử dụng CNTT- TT								
2	Chương 2: SỬ DỤNG MÁY TÍNH CƠ BẢN 2.1. Khái niệm: 2.2. Khởi động Windows	2		6		20	G1.2 G3.1 G3.2 G3.3 G4.1	Hoạt động dạy : - Thuyết giảng trên lớp; - Hỏi - đáp trực tiếp; - Làm mẫu.	

2.2.1 Khởi động, thoát khỏi Windows							- Giao bài đọc về nhà; - Hướng dẫn tự học. Hoạt động học:	
2.2.2 Màn hình Windows								
2.2.3. Sử dụng chương trình trong Windows							- Sinh viên tham gia nghe giảng;	
2.3 Tập tin, thư mục, ổ đĩa, đường dẫn							- Làm các bài thực hành được giao.	
2.3.1 Tập tin (File)							-Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.	
2.3.2 Đĩa, Thư mục, đường dẫn								
2.3.3 Thiết lập hiển thị tập tin, thư mục ẩn								
2.4 Quản lý và cấu hình của Windows								
2.4.1 Thay đổi thuộc tính màn hình								
2.4.2 Thay đổi độ phân giải, chế độ màu								
2.4.3 Gỡ bỏ chương trình								
2.4.4 Cấu hình ngày, giờ hệ thống								

2.4.5 Thay đổi thuộc tính vùng miền (Regional Setting)								
2.4.6 Gadgets								
2.4.7 Taskbar và Start Menu								
2.4.8 Backup & Restore								
2.4.9 Đổi mật khẩu đăng nhập, tạo thêm/ xóa tài khoản người dung								
2.4.10 Tùy chỉnh các chương trình khi khởi động hệ điều hành								
2.5 Phần mềm nén dữ liệu WinRar								
2.5.1 Giới thiệu								
2.5.2 Sử dụng WinRar								
- Khởi động WinRar								
- Tạo tập tin nén thông thường								
-Các tùy chọn trong cửa sổ nén								


 JNG
 HỌC
 NG
 ĐỒI


WinRar								
- Giải nén tập tin nén								
2.6 Sử dụng tiếng Việt trong Windows								
2.6.1Giới thiệu các chương trình hỗ trợ tiếng Việt								
- Vấn đề tiếng Việt trong Windows								
- Font chữ và Bảng mã								
- Các kiểu gõ Tiếng Việt								
2.6.2 Sử dụng Unikey								
2.7. Quản lý thư mục và tập tin bằng Windows Explorer								
2.7.1 Giới thiệu								
2.7.2 Khởi động Windows Explorer								
2.7.3 Cửa sổ làm việc của Windows Explorer								
2.7.4 Thao tác								

	với các thư mục và tập tin - Thao tác với các thư mục và tập tin - Chọn tập tin/thư mục - Tạo thư mục - Sao chép thư mục và tập tin - Di chuyển thư mục và tập tin - Xóa thư mục và tập tin - Phục hồi thư mục và tập tin - Đổi tên thư mục và tập tin - Thao tác với đĩa BÀI TẬP ÔN TẬP CHƯƠNG 2							
3	Chương 3: XỬ LÝ VĂN BẢN CƠ BẢN 3.1 Tổng quan về Microsoft Word 3.1.1 Khái niệm văn bản 3.1.2. Phần mềm	4	24	41	G2.1 G3.1 G3.2 G3.3 G4.1	Hoạt động dạy : - Thuyết giảng trên lớp; - Hỏi - đáp trực tiếp; - Làm mẫu. - Giao bài đọc về nhà;		

xử lý văn bản 3.2. Giới thiệu Microsoft Word. 3.2.1. Giới thiệu - Các chức năng của MicroSoft Word - Khởi động và thoát khỏi Word. 3.2.2 Các thành phần cơ bản trên màn hình Word 3.2.3. Các thao tác cơ bản trong Word - Thao tác trên tập tin - Trình bày hiển thị văn bản - Nhập và hiệu chỉnh văn bản - Khôi phục văn bản và các lệnh xử lý khối - Hủy và lặp lại một lệnh - Chèn tập tin và chèn ký tự đặc biệt (Symbol)							- Hướng dẫn tự học. Hoạt động học: - Sinh viên tham gia nghe giảng; - Làm các bài thực hành được giao. - Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.	
--	--	--	--	--	--	--	--	--

- Tìm kiếm và thay thế văn bản (find and replace) - Sử dụng tính năng Autocorrect BÀI TẬP ÔN TẬP 3.3. Định dạng văn bản 3.1.1 Định dạng ký tự và phong chữ - Định dạng kí tự - Chuyển đổi loại chữ 3.3.2 Định dạng đoạn văn bản - Một số khái niệm - Canh lề đoạn văn bản - Điều chỉnh độ lệch các dòng trong đoạn so với lề bằng thước - Định dạng đoạn văn bản							
---	--	--	--	--	--	--	--



bằng cách sử dụng menu Home, nhóm Paragraph 3.3.3 Tạo ký tự Drop Cap 3.3.4 Kẻ đường viền và tô nền cho đoạn văn bản - Kẻ đường viền và tô nền bằng menu Borders and Shading - Kẻ đường viền và tô nền bằng hộp thoại Borders and Shadin 3.3.5 Đánh dấu và đánh số thứ tự - Chèn ký hiệu in (Bullets) - Đánh số thứ tự (Numbering) 3.3.6 Đặt các Tab - Sử dụng thước xác định những điểm dừng Tab								
---	--	--	--	--	--	--	--	--

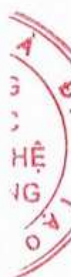
- Xác định những điểm dùng Tab tùy biến bằng hộp thoại Tabs 3.3.7 Văn bản dạng cột (columns) và các đối tượng khác 3.3.8 Kiểu dáng (Style) - Khái niệm - Hiện thị và sử dụng Style								
- Ứng dụng Style vào đoạn và văn bản - Chọn và thay đổi tất cả các đối tượng có cùng một style - Sao chép định dạng - Xóa bỏ các định dạng BÀI TẬP ÔN TẬP 3.4 Chèn các đối tượng vào văn bản 3.4.1 Bảng -								

Table								
- Giới thiệu								
- Tạo bảng								
- Các thao tác trên bảng								
3.4.2 Tạo chữ nghệ thuật (WordArt)								
3.4.2.1 Chèn WordArt								
- Định dạng cho WordArt.								
3.4.3 Công thức toán học.								
3.4.4 Chèn hình ảnh								
- Chèn các hình ảnh từ tập tin đồ họa								
- Chèn ảnh từ thư viện có sẵn trong Word								
- Các thao tác nhanh cơ bản trên hình								
- Hình vẽ và các đối tượng ảnh								
3.4.5 Hộp văn bản (Text Box)								
- Giới thiệu Text Box								
- Tạo và Định								

dạng TextBox								
3.4.6 Tham chiếu								
- Sử dụng Footnotes và Endnotes								
- Chèn số trang								
3.4.7. Hoàn chỉnh văn bản								
- Chèn các dấu ngắt								
- Thêm tiêu đề và hạ mục (header and footer)								
3.4.8 In văn bản								
- Định dạng trang in								
- Định khoảng cách tạo Header/Footer								
- In ấn trong Word								
3.4.9 Thể thức trình bày văn bản hành chính								
BÀI TẬP ÔN TẬP CHƯƠNG								
3								

4	Chương 4: SỬ DỤNG BẢNG TÍNH CƠ BẢN 4.1 Tổng quan về về bảng tính 4.1.1 Khái niệm bảng tính - Khái niệm - Phần mềm bảng tính 4.1.2 Giới thiệu Microsoft Excel - Giới thiệu - Thay đổi tùy chọn Excel - Cấu trúc của một Workbook - Cấu trúc của một Sheet - Một số thao tác trên Sheet 4.1.3 Các kiểu dữ liệu và cách nhập - Cách nhập dữ liệu vào một ô - Dữ liệu kiểu số 4.1.4 Các loại địa chỉ và các thông báo lỗi thường gặp	4	28	45	G2.2 G3.1 G3.2 G3.3 G4.1	Hoạt động dạy : - Thuyết giảng trên lớp; - Hỏi - đáp trực tiếp; - Làm mẫu. - Giao bài đọc về nhà; - Hướng dẫn tự học. Hoạt động học: - Sinh viên tham gia nghe giảng; - Làm các bài thực hành được giao. - Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.
---	--	---	----	----	---	---

- Các loại địa chỉ								
4.1.5 Các thao tác cơ bản trong Excel - Xử lý trên vùng - Thao tác trên cột và hàng								
4.1.6 Định dạng bảng tính - Định dạng hiển thị dữ liệu - Canh lề dữ liệu trong ô - Định dạng ký tự - Kề khung và tô màu nền cho bảng tính - Sao chép định dạng bằng nút Format Painter								
4.1.7 Thao tác trên tập tin BÀI TẬP ÔN TẬP								
4.2 Một số hàm trong Excel								
4.2.1 Cú pháp chung và cách sử dụng								



- Xem danh sách các hàm - Cú pháp chung - Cách sử dụng hàm								
4.2.2 Các hàm thông dụng - Các hàm toán học và số - Các hàm logic - Các hàm xử lý chuỗi - Các hàm ngày giờ - Các hàm dò tìm								
BÀI TẬP ÔN TẬP 4.3 Quản lý cơ sở dữ liệu 4.3.1 Sắp xếp csdl (sort) - Sắp xếp giá trị trên 1 cột. - Sắp xếp giá trị từ 2 cột trở lên. 4.3.2 trích lọc dữ liệu - Dùng Auto								

Filter (Lọc yêu cầu đơn giản).								
- Dùng Advanced Filter (Lọc các yêu cầu phức tạp có nhiều điều kiện).								
4.4 Biểu đồ trong Excel								
4.4.1 Các loại biểu đồ								
4.4.2 Các thành phần của biểu đồ								
4.4.3 Các bước dựng biểu đồ								
- Chuẩn bị dữ liệu cho biểu đồ								
- Các thao tác tạo biểu đồ								
4.4.4 Chỉnh sửa biểu đồ dùng lệnh Design								
4.4.5 Định dạng biểu đồ								
BÀI TẬP ÔN TẬP								
4.5 Định dạng và in ấn trong Excel								



	4.5.1. Định dạng trang in (Page Setup) 4.5.2 Xem trước (Print Preview) và in (Print) bảng tính 4.5.3 Điều chỉnh ký hiệu ngắt trang BÀI TẬP ÔN TẬP CHƯƠNG 4							
5	Chương 5 : SỬ DỤNG TRÌNH CHIẾU CƠ BẢN 5.1 Tổng quan về PowerPoint 5.1.1 Khái niệm bài thuyết trình - Khái niệm - Một số phần mềm trình chiếu 5.1.2 Microsoft Powerpoint - Giới thiệu Microsoft	2	12	30	G2.3 G3.1 G3.2 G3.3 G4.1	Hoạt động dạy : - Thuyết giảng trên lớp; - Hỏi - đáp trực tiếp; - Làm mẫu. - Giao bài đọc về nhà; - Hướng dẫn tự học. Hoạt động học: - Sinh viên tham gia nghe giảng; - Làm các bài thực hành		

Powerpoint							được giao.	
- Khởi động Microsoft PowerPoint							-Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.	
- Thoát khỏi Microsoft PowerPoint								
5.1.3 Màn hình của PowerPoint								
- Cửa sổ chương trình PowerPoint								
- Các thao tác trên tập tin								
- Các chế độ hiển thị của PowerPoint								
5.1.4 Tạo một bản trình chiếu								
- Tạo trình chiếu sử dụng Design Template								
- Tạo trình chiếu trống Blank Presentation								
BÀI TẬP ÔN TẬP								
5.2 Các thao tác với PowerPoint								
5.2.1 Thao tác trên các Slide								

- Thêm Slide mới - Thay đổi cách trình bày của Slide - Di chuyển giữa các Slides - Nhân bản một/nhiều slides - Sao chép Slide - Sắp xếp lại các Slide - Ẩn các Slide 5.2.2 Chỉnh sửa trong Slide - Làm việc với văn bản - Thêm các đối tượng khác vào Slide - Định dạng cách trình bày nội dung Slide - Định dạng Slide theo mẫu thiết kế sẵn - Làm việc với Slide Master 5.2.3 Tạo các hiệu ứng hoạt							
---	--	--	--	--	--	--	--

hình - Tạo hiệu ứng hoạt hình - Tạo hiệu ứng chuyển tiếp giữa các Slide - Thiết lập hành động cho một đối tượng - Tạo nút hành động - Các gợi ý khi thiết kế một bản trình chiếu BÀI TẬP ÔN TẬP 5.3 LÀM VIỆC VỚI CÁC TRÌNH CHIẾU 5.3.1 Thực hiện một buổi trình chiếu - Thiết kế một cuộc trình chiếu - Thiết kế một phương án trình chiếu riêng - Thực hiện một buổi trình chiếu 5.3.2 In các trang trình chiếu								
---	--	--	--	--	--	--	--	--

	BÀI TẬP ÔN TẬP CHƯƠNG 5							
6	Chương 6 : KIẾN THỨC CƠ BẢN VỀ INTERNET 6.1 Một số khái niệm 6.1.1 Địa chỉ Internet - Địa chỉ IP (Internet Protocol Address) - Hệ thống tên miền DNS (Domain Name System) 6.1.2 Một số thành phần trên Internet - Nhà cung cấp truy cập Internet IAP (Internet Access Provider) - Nhà cung cấp dịch vụ Internet ISP (Internet Service Provider)	1		0		8	G1.1	Hoạt động dạy : - Thuyết giảng trên lớp; - Hỏi - đáp trực tiếp; - Làm mẫu. - Giao bài đọc về nhà; - Hướng dẫn tự học. Hoạt động học: - Sinh viên tham gia nghe giảng; - Làm các bài thực hành được giao. -Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài

- ISP dùng riêng - Người sử dụng Internet - Tài khoản người dùng trên Internet 6.1.3 Các dịch vụ thông dụng trên internet - Dịch vụ Telnet (Telephone Internet) - Dịch vụ thư điện tử (Mail Service) - Dịch vụ tin điện tử (News) - Dịch vụ truyền tập tin (FTP: File Transfer Protocol) - Dịch vụ Web (World Wide Web – WWW) 6.1.4 Một số khái niệm - URL - Uniform Resource Locator - Trình duyệt							kiểm tra và tìm kiếm thông tin.	
--	--	--	--	--	--	--	---------------------------------	--

HỆ THỐNG

web (Web browser) - Hyperlink - Trang Web (Webpage) - Trang chủ (Homepage) - Website - Máy tìm kiếm search engine - Giao thức http - Giao thức https - Cookie và Internet cache - Một số dấu hiệu để nhận ra một website an toàn - Những kiểu lừa đảo qua mạng phổ biến ở Việt Nam - Cách phòng tránh lừa đảo qua mạng. BÀI TẬP ÔN TẬP CHƯƠNG 6								
---	--	--	--	--	--	--	--	--

7) ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CĐR môn học	Tiêu chí đánh giá	Chuẩn đánh giá	Tỷ lệ
A1.Đánh giá quá trình	A1.1. Chuyên cần	G3 G4	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bảo và tham gia các hoạt động trong giờ học. - Thời gian tham dự buổi học từ 80% trở lên. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm.	- Tham dự đúng, đủ giờ học. - Tích cực tham gia thảo luận, đóng góp xây dựng bài và làm bài tập trên lớp	10%
	A1.3. Bài kiểm tra	G2 G4	Bài thi thực hành	Theo đáp án thang điểm quy định	30%
A2. Đánh giá kết thúc	A2.1. Thi kết thúc học phần	G1 G2 G4	Bài thi thực hành	Theo đáp án thang điểm quy định	60%

8) MA TRẬN CÂU HỎI THI

Nội dung	Cấp độ				
	Biết/Nhớ	Hiểu	Vận dụng	Phân tích, tổng hợp	Đánh giá, sáng tạo
Chương 2					

Số câu 1 Tỷ lệ: 25%	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 1	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 3					
Số câu 1 Tỷ lệ: 25%	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 1	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 4					
Số câu 1 Tỷ lệ: 25%	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 1	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 5					
Số câu 1 Tỷ lệ: 25%	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 1	Số câu: 0	Số câu: 0
Tổng cộng 4 câu	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 4	Số câu: 0	Số câu: 0
Tỷ lệ: 100%	Tỷ lệ: 0%	Tỷ lệ: 0%	Tỷ lệ: 100%	Tỷ lệ: 0%	Tỷ lệ: 0%

TRƯỞNG KHOA



ThS. Phạm Thành Trung

**GIẢNG VIÊN
BIÊN SOẠN**



ThS. Hồ Anh Tuấn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIN HỌC ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN 2

1) THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần: Tin học ứng dụng CNTT cơ bản 2
- Mã học phần: 06CQ0045
- Số tín chỉ: 03
- Trình độ: Đại học chính quy
- Môn học tiên quyết: 06CQ0044
- Môn học song hành: (không)
- Môn học trước: (không)
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: (không)
- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☒		Chuyên nghiệp ☐			
Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Cơ sở ngành ☐		Chuyên ngành ☐	
		Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐

- Phân tích thời lượng làm việc của giảng viên và sinh viên:

TỔNG SỐ TIẾT LÊN LỚP	75	tiết	TỔNG SỐ TIẾT TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN	90	tiết
<i>Lý thuyết:</i>	15	tiết	<i>Đọc tài liệu ở nhà:</i>	30	tiết
<i>Thực hành:</i>	60	tiết	<i>Làm bài tập ở nhà:</i>	40	tiết
<i>Thảo luận / Thuyết trình:</i>	0	tiết	<i>Làm việc nhóm:</i>	20	tiết
<i>Hoạt động khác:</i>	0	tiết			

2) MÔ TẢ VẮN TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN

- Học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức nâng cao về Microsoft Word 2016, Microsoft Excel 2016, Microsoft PowerPoint 2016 trong việc định

dạng văn bản, xử lý bảng tính, trình bày báo cáo chuyên nghiệp.

- Sử dụng Internet một cách an toàn trên môi trường mạng.

3) NGUỒN HỌC LIỆU

a) Tài liệu/giáo trình chính

[7] Giáo trình ứng dụng CNTT cơ bản trường Đại học Công nghệ Miền Đông

b) Tài liệu tham khảo/bổ sung

[8] Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014

4) MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Mục tiêu	Mô tả	CĐR của CTĐT	Trình độ năng lực
G1	- Những kiến thức cơ bản về sử dụng máy tính, quản lý tệp tin, xử lý văn bản, sử dụng bảng tính, sử dụng trình chiếu, Internet	PLO1	3.0
G2	- Kỹ năng sử dụng thành thạo hệ điều hành Window, phần mềm MS Word, MS Excel, MS Powerpoint và Internet trong công việc.	PLO6	3.0
G3	- Vận dụng các kiến thức vào việc xử lý định dạng trang trí văn bản, giải quyết các bài toán Excel cụ thể, tạo ra các bài thuyết trình đáp ứng nhu cầu công việc	PLO6 PLO11 PLO12	2.0
G4	- Có phẩm chất đạo đức, kỷ luật tốt, nhận biết, phân tích giải quyết sáng tạo và hiệu quả những vấn đề trong các bài toán thực tế.	PLO13 PLO15	2.0

5) CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

Kết quả phân tích mối liên hệ giữa CĐR học phần Tin học ứng dụng CNTT cơ bản 2 với CĐR Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh được thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1: Mô tả phân nhiệm chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh học cho học phần Tin học ứng dụng CNTT cơ bản 2

Học phần Tin học ứng dụng CNTT cơ bản 1	Các CDR cấp độ 2 và 3 của Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh phân nhiệm cho học phần Tin học ứng dụng CNTT cơ bản 1				
Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO6	PLO11	PLO12	PLO13
Trình độ năng lực	3.0	3.0	2.0	2.0	2.0
Mức độ giảng dạy ITU	TU2	TU2	TU2	TU2	TU2
Chuẩn đầu ra	PLO15				
Trình độ năng lực	2.0				
Mức độ giảng dạy ITU	TU2				

- Chuẩn đầu ra chi tiết của học phần Tin học ứng dụng CNTT cơ bản 2 được thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Mô tả danh mục chuẩn đầu ra học phần Tin học ứng dụng CNTT cơ bản 1 đáp ứng chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh.

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR của CTĐT tương ứng
G1.1	- Những kiến thức cơ bản về sử dụng máy tính, quản lý tệp tin, xử lý văn bản, sử dụng bảng tính, sử dụng trình chiếu, Internet.	3.0	PLO1
G1.2	- Hiểu được việc sử dụng hệ điều hành Windows trong việc quản lý tệp tin, thư mục, quản lý dữ liệu, sử dụng được phần mềm nén dữ liệu Winrar, phần mềm gõ tiếng việt Unikey	3.0	PLO1 PLO6
G2.1	- Hiểu và vận dụng được phần mềm soạn thảo văn bản MS Word 2016 trong việc lưu trữ, định dạng, in ấn dữ liệu.	3.0	PLO1 PLO6
G2.2	- Hiểu và vận dụng được phần mềm MS Excel 2016 trong việc tổ chức,	3.0	PLO1 PLO6

	tính toán dữ liệu.		
G2.3	- Hiểu và vận dụng được phần mềm MS Powerpoint 2016 trong việc trình chiếu.	3.0	PLO1 PLO6
G3.1	- Hợp tác trong việc học tập. Thành lập nhóm, xác định được kế hoạch phân công công việc, làm việc nhóm hiệu quả.	2.0	PLO11 PLO13
G3.2	- Tìm kiếm, đọc và thu thập tài liệu liên quan đến môn Tin học ứng dụng CNTT cơ bản 1.	3.0	PLO6
G3.3	- Có kỹ năng thuyết trình và giao tiếp, làm việc nhóm	2.0	PLO11 PLO12
G4.1	- Có thái độ khách quan, trung thực. Có ý thức vận dụng kiến thức Tin học trong công tác ngành Ngôn ngữ Anh	2.0	PLO13 PLO15

6) KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Buổi	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	CĐR	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	Chương 1: Microsoft Word nâng cao 1.1. Chia Sẻ Và Bảo Quản Dữ Liệu 1.1.1. Cấu hình tùy chọn trong Word 1.1.2. Thiết lập chế độ bảo vệ tài	5	22			50	G1.1 G2.1 G3.1 G3.2 G3.3 G4.1	Hoạt động dạy : - Thuyết giảng trên lớp; - Hỏi - đáp trực tiếp; - Làm mẫu. - Giao bài đọc về nhà; - Hướng dẫn tự học.	

liệu							Hoạt động học:	
1.1.3. Thiết lập kiểu mẫu cho tài liệu							- Sinh viên tham gia nghe giảng;	
1.2. Định dạng dữ liệu							- Làm các bài thực hành được giao.	
1.2.1. Thiết lập font chữ và đoạn văn nâng cao							-Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin	
1.2.2. Chia cột cho đoạn văn bản								
1.2.3. Công thức toán học								
1.2.4. Tạo bảng biểu và biểu đồ								
1.2.5. Cách xây dựng nội dung tái sử dụng trong tài liệu								
1.2.6. Sử dụng hộp văn bản liên kết và chọn lựa								
1.3. Theo dõi và tham khảo tài liệu								
1.3.1. Kiểm tra, so sánh, và kết hợp tài liệu								
1.3.2.Tạo một trang tài liệu tham khảo								

1.3.3. Tạo bảng tác giả trong tài liệu								
1.3.4. Tạo bảng chỉ mục cho tài liệu								
1.4. Thực hiện chức năng trộn thư								
1.4.1. Thiết lập chức năng trộn thư								
1.4.2. Thực hiện chức năng trộn thư								
1.4.3. Tạo một thư trộn sử dụng từ danh sách ngoài								
1.4.4. Tạo nhãn và bao thư								
1.5. Quản lý Macros và Forms								
1.5.1. Thiết lập và thao tác với macros								
1.5.2. Thiết lập và thao tác với các lựa chọn trong macros								
Tạo forms								

391

	1.5.4. Thao tác với forms							
2	Chương 2: Microsoft Excel nâng cao 2.1. Chia sẻ và bảo quản tài liệu 2.1.1. Thiết lập và lựa chọn hiệu chỉnh dữ liệu 2.1.2. Thiết lập bảo mật và chia sẻ tài liệu 2.1.3. Chia sẻ và Bảo quản tài liệu 2.2. Thao tác với công thức và hàm 2.2.1. Kiểm tra công thức 2.2.2. Định dạng có điều kiện (Conditionnal Formatting) 2.2.3. Thao tác lựa chọn cho công thức 2.2.4. Công thức thống kê 2.2.5. Công thức mảng	5	25			50	Hoạt động dạy : - Thuyết giảng trên lớp; - Hỏi - đáp trực tiếp; - Làm mẫu. - Giao bài đọc về nhà; - Hướng dẫn tự học. Hoạt động học: - G1.1 - Sinh viên - G2.2 tham gia nghe - G3.1 giảng; - G3.2 - Làm các bài - G3.3 thực hành - G4.1 được giao. -Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và	

2.2.6. Sử dụng các hàm xây dựng sẵn							tìm kiếm thông tin	
2.2.7. Các hàm về chuỗi								
2.2.8. Các hàm ngày và giờ (Date& Time)								
2.2.9. Các hàm tìm kiếm (Lookup & Reference)								
Các hàm thông tin (ISfunction)								
2.2.10. Các hàm Cơ sở dữ liệu								
2.2.11. Các lệnh xử lý dữ liệu								
2.3. Trình diễn dữ liệu								
2.3.1. Thao tác với Pivot Tables								
2.3.2. Thống kê bằng chức năng Consolidate								
2.3.3. Thao tác với PivotCharts								
2.3.4. Biểu đồ nâng cao								
2.3.5. Tính năng Sparkline								

	2.3.6. Phân tích độ nhạy (What - If Analysis) 2.3.7. Sử dụng dữ liệu liên kết ngoài 2.4. Làm Việc Với Macros Và Forms. 2.4.1. Tạo và thực hiện macros 2.4.2. Thao tác với form controls							
3	Chương 3: Microsoft Powerpoint nâng cao 3.1. Thiết kế nội dung và hình thức bài trình chiếu hiệu quả 3.2. Slide Master 3.3. Các cách chèn âm thanh vào bài trình chiếu 3.4. Các cách chèn phim minh họa vào bài trình	3		9		40	G1.1 G2.3 G3.1 G3.2 G3.3 G4.1	Hoạt động dạy : - Thuyết giảng trên lớp; - Hỏi - đáp trực tiếp; - Làm mẫu. - Giao bài đọc về nhà; - Hướng dẫn tự học. Hoạt động học: - Sinh viên tham gia nghe giảng; - Làm các bài

chiếu 3.5. Trigger 3.6. Sử dụng đồ thị, sơ đồ 3.7. Một số thao tác khi trình chiếu 3.8. Định dạng, in ấn bài trình chiếu							thực hành được giao. - Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin	
Chương 4: Sử dụng Internet 4.1. Giới thiệu Internet 4.2. Một số khái niệm 4.3. Các dịch vụ thông dụng trên Internet 4.4. Trình duyệt web 4.4.1. Các trình duyet thông dụng 4.4.2. Sử dụng trình duyệt 4.5. Tìm kiếm	2		4			10	G1.1 G3.1 G3.2 G3.3 G4.1 Hoạt động dạy : - Thuyết giảng trên lớp; - Hỏi - đáp trực tiếp; - Làm mẫu. - Giao bài đọc về nhà; - Hướng dẫn tự học. Hoạt động học: - Sinh viên tham gia nghe giảng; - Làm các bài	

thông tin trên Internet							thực hành được giao.	
4.6. Dịch vụ Email							-Trao đổi kỹ năng học	
4.7. Dịch vụ Office Online							nhóm, làm tiểu luận; chấp	
4.8. Dịch vụ chia sẻ thông tin trực tuyến							hành các quy định về thời	
4.9. Dịch vụ Online Calendar							gian lên lớp, thời hạn nộp	
4.10. Google Form							bài, chất lượng các bài tập, bài	
4.11. An Toàn Thông Tin							kiểm tra và tìm kiếm thông tin	

7) ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CĐR môn học	Tiêu chí đánh giá	Chuẩn đánh giá	Tỷ lệ
A1.Đánh giá quá trình	A1.1. Chuyên cần	G3 G4	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị báo và tham gia các hoạt động trong giờ học. - Thời gian tham dự buổi học từ 80% trở lên. Tùy số tiết vắng,	- Tham dự đúng, đủ giờ học. - Tích cực tham gia thảo luận, đóng góp xây	10%

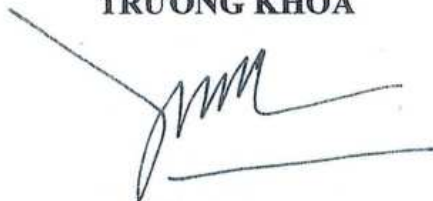
			GV quyết định số điểm.	dựng bài và làm bài tập trên lớp	
	A1.3. Bài kiểm tra	G2 G4	- Bài thi thực hành	- Theo đáp án thang điểm quy định	30%
A2. Đánh giá kết thúc	A2.1. Thi kết thúc học phần	G1 G2 G4	- Bài thi thực hành	- Theo đáp án thang điểm quy định	60%

8) MA TRẬN CÂU HỎI THI

Nội dung	Cấp độ				
	Biết/Nhớ	Hiểu	Vận dụng	Phân tích, tổng hợp	Đánh giá, sáng tạo
Chương 2					
Số câu 1 Tỷ lệ: 25%	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 1	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 3					
Số câu 1 Tỷ lệ: 25%	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 1	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 4					
Số câu 1 Tỷ lệ: 25%	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 1	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 5					

Số câu 1 Tỷ lệ: 25%	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 1	Số câu: 0	Số câu: 0
Tổng cộng 4 câu	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 4	Số câu: 0	Số câu: 0
Tỷ lệ: 100%	Tỷ lệ: 0%	Tỷ lệ: 0%	Tỷ lệ: 100%	Tỷ lệ: 0%	Tỷ lệ: 0%

TRƯỞNG KHOA



ThS. Phạm Thành Trung

**GIẢNG VIÊN
BIÊN SOẠN**



ThS. Hồ Anh Tuấn



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
GIÁO DỤC THỂ CHẤT 1

1) THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần: Giáo dục thể chất 1
- Mã học phần: 06CQ0056
- Số tín chỉ: 2
- Trình độ: Đại học chính quy
- Môn học tiên quyết: (không)
- Môn học song hành: (không)
- Môn học trước: (không)
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: (không)
- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☒		Chuyên nghiệp ☐			
Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Cơ sở ngành ☐		Chuyên ngành ☐	
		Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐

- Phân tích thời lượng làm việc của giảng viên và sinh viên:

TỔNG SỐ TIẾT LÊN LỚP	45	tiết
<i>Lý thuyết:</i>	15	tiết
<i>Thực hành:</i>	30	tiết
<i>Thảo luận / Thuyết trình:</i>	0	tiết
<i>Hoạt động khác:</i>	0	tiết

TỔNG SỐ TIẾT TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN	60	tiết
<i>Đọc tài liệu ở nhà:</i>	30	tiết
<i>Làm bài tập ở nhà:</i>	30	tiết
<i>Làm việc nhóm:</i>	0	tiết

2) MÔ TẢ VẮN TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN

Học phần Giáo dục thể chất 1 là học phần cơ bản thuộc chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh, giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng

cơ bản về môn bóng chuyền, cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

3) NGUỒN HỌC LIỆU

a) Tài liệu/giáo trình chính

[1] Nguyễn Việt Minh, Hồ Đắc Sơn (2004), *Giáo trình bóng chuyền*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.

b) Tài liệu tham khảo/bổ sung

[2] Đồng Văn Triệu, Trương Anh Tuấn (2015), *Thế dục và phương pháp dạy học*. NXB Thể dục thể thao.

4) MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Mục tiêu	Mô tả	CĐR của CTĐT	Trình độ năng lực
G1	- Có kiến thức về môn bóng chuyền để phục vụ cho việc tập luyện	PLO1	1.0
G2	- Thực hiện được kĩ thuật bóng chuyền để phát triển thể chất	PLO1	2.0
G3	- Vận dụng kĩ thuật bóng chuyền đã học vào thực tiễn cuộc sống	PLO6	4.0

5) CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

- Kết quả phân tích mối liên hệ giữa CĐR học phần Giáo dục thể chất 1 với CĐR Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh được thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1: Mô tả phân nhiệm chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh cho học phần Giáo dục thể chất 1.

Học phần Giáo dục thể chất 1	Các CĐR cấp độ 2 và 3 của Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh phân nhiệm cho học phần Giáo dục thể chất 1				
Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO1	PLO6		
Trình độ năng lực	1.0	2.0	4.0		
Mức độ giảng dạy ITU	IT	IT	IT		

Chuẩn đầu ra chi tiết của học phần Giáo dục thể chất 1 được thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Mô tả danh mục chuẩn đầu ra học phần Giáo dục thể chất 1 đáp ứng chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh.

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR của CTĐT tương ứng
G1.1	- Vận dụng những kiến thức cơ bản của kĩ thuật bóng chuyền để phục vụ cho việc tập luyện	1.0	PLO1
G1.2	- Vận dụng những kiến thức giáo dục thể chất để rèn luyện nâng cao sức khỏe phục vụ cho việc học tập và cuộc sống	1.0	PLO1
G2.1	- Thực hiện được đúng kĩ thuật đáp ứng được yêu cầu đặt ra	2.0	PLO1
G2.2	- Nắm được luật bóng chuyền	2.0	PLO1
G3.1	- Vận dụng các kiến thức, kỹ năng được trang bị vào thực tiễn trong cuộc sống hằng ngày	4.0	PLO6
G3.2	- Xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân, nhóm trong điều kiện thay đổi để giải quyết nhiệm vụ học tập	4.0	PLO6
G3.3	- Hình thành phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức giúp đỡ bạn bè	4.0	PLO6

6) KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Buổi	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	CDR	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	Chương 1: Lịch sử phát sinh và phát triển môn bóng chuyền	2	0	0	0	4			
1	1.1. Sự hình thành và phát						G1.1 G3.2	Yêu cầu tại lớp:	

	triển môn bóng chuyên trên thể giới 1.2. Lịch sử phát sinh và phát triển môn bóng chuyên ở Việt Nam Phương pháp giảng dạy: - Thuyết giảng - Đặt câu hỏi yêu cầu SV trả lời						G3.3	Nghe giảng, trả lời câu hỏi, thảo luận Yêu cầu tại nhà: Đọc tài liệu Tóm tắt bài học trước khi đến lớp	
	Chương 2: Ảnh hưởng và tác dụng của tập luyện bóng chuyên đối với cơ thể	2	0	0	1	6			
2	2.1. Đặc điểm môn bóng chuyên 2.2. Ảnh hưởng và tác dụng của tập luyện bóng chuyên đối với cơ thể Phương pháp giảng dạy: - Thuyết giảng						G1.1 G3.2 G3.3	Yêu cầu tại lớp: Nghe giảng, trả lời câu hỏi, thảo luận Yêu cầu tại nhà: Tóm tắt bài học trước khi đến lớp Đọc tài liệu	

	- Đặt câu hỏi yêu cầu SV trả lời								
	Chương 3: Luật bóng chuyền	8	0	0	2	20			
3	Phương pháp giảng dạy: - Thuyết giảng - Đặt câu hỏi yêu cầu SV trả lời						G1.1 G3.2 G3.3	Yêu cầu tại lớp: Nghe giảng, trả lời câu hỏi, thảo luận Yêu cầu tại nhà: Tóm tắt bài học trước khi đến lớp Đọc tài liệu	
	Chương 4: Thực hành	0	0	30	0	30			
4+5+ 6+7+ 8+9	4.1. Tư thế chuẩn bị và di chuyển 4.2. Di chuyển 4.3. Kỹ thuật chuyền bóng cao tay 4.4. Kỹ thuật chuyền bóng phát tay 4.5. Kỹ thuật phát bóng thấp tay						G1.1 G1.2 G1.3 G2.1 G2.2 G3.1 G3.2 G3.3	Yêu cầu tại lớp: Nghe hướng dẫn thực hiện theo Yêu cầu tại nhà: Tóm tắt bài học trước khi đến lớp Đọc tài liệu Luyện tập các kỹ thuật ở nhà	

4.6. Kỹ thuật phát bóng cao tay								
4.7. Một số điểm trong luật bóng chuyên								
Phương pháp giảng dạy:								
- Hướng dẫn làm mẫu								
- Đặt câu hỏi yêu cầu SV trả lời								
- Thực hành nhóm								

7) ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CDR môn học	Tiêu chí đánh giá	Chuẩn đánh giá	Tỷ lệ
A1.Đánh giá quá trình	A1.1. Chuyên cần		- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bảo và tham gia các hoạt động trong giờ học. - Thời gian tham dự buổi học từ 80% trở lên. Tùy số tiết vắng,	- Tham dự đúng, đủ giờ học. - Tích cực tham gia thảo luận, đóng góp xây	10%

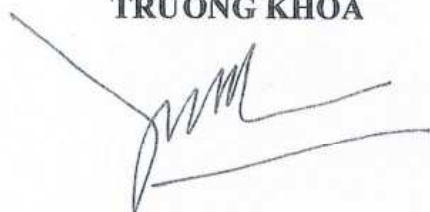
			GV quyết định số điểm.	dụng bài	
	A1.2. Bài kiểm tra	G1 G2 G3	- Bài kiểm tra vấn đáp + thực hành	- Theo đáp án thang điểm quy định	30%
A2. Đánh giá kết thúc	A2.1. Thi kết thúc học phần	G1 G2 G3	- Bài thi thực hành	- Theo đáp án thang điểm quy định	60%

8) MA TRẬN CÂU HỎI THI

Nội dung	Cấp độ				
	Biết/Nhớ	Hiểu	Vận dụng	Phân tích, tổng hợp	Đánh giá, sáng tạo
Chương 1					
Số câu: 05 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 2	Số câu: 2	Số câu: 1	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 2					
Số câu: 05 Tỉ lệ: 25%	Số câu: 2	Số câu: 2	Số câu: 1	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 3					
Số câu: 05 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 2	Số câu: 2	Số câu: 1	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 4					
Số câu: 02 Tỉ lệ: 15%	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 2	Số câu: 0	Số câu: 0
Tổng cộng	Số câu: 6	Số câu: 6	Số câu: 5	Số câu: 0	Số câu: 0

17 câu					
Tỷ lệ: 100%	Tỷ lệ: 35%	Tỷ lệ: 35%	Tỷ lệ: 30%	Tỷ lệ: 0%	Tỷ lệ: 0%

TRƯỞNG KHOA



ThS. Phạm Thành Trung

**GIẢNG VIÊN
BIÊN SOẠN**



ThS. Nguyễn Minh Chiến

(Red stamp)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
GIÁO DỤC THỂ CHẤT 2

1) THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần: Giáo dục thể chất 2
- Mã học phần: 06CQ0057
- Số tín chỉ: 02
- Trình độ: Đại học chính quy
- Môn học tiên quyết: (không)
- Môn học song hành: (không)
- Môn học trước: (không)
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: (không)
- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☒		Chuyên nghiệp ☐			
Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Cơ sở ngành ☐		Chuyên ngành ☐	
		Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐

- Phân tích thời lượng làm việc của giảng viên và sinh viên:

TỔNG SỐ TIẾT LÊN LỚP	45	tiết	TỔNG SỐ TIẾT TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN	60	tiết
<i>Lý thuyết:</i>	15	tiết	<i>Đọc tài liệu ở nhà:</i>	30	tiết
<i>Thực hành:</i>	30	tiết	<i>Làm bài tập ở nhà:</i>	30	tiết
<i>Thảo luận / Thuyết trình:</i>	0	tiết	<i>Làm việc nhóm:</i>	0	tiết
<i>Hoạt động khác:</i>	0	tiết			

2) MÔ TẢ VẤN TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN

Học phần Giáo dục thể chất 2 là học phần cơ bản thuộc chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh, giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng

cơ bản về môn bóng rổ, cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

3) NGUỒN HỌC LIỆU

a) Tài liệu/giáo trình chính

[1] Nguyễn Hữu Bằng (2004), *Giáo trình bóng rổ*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.

b) Tài liệu tham khảo/bổ sung

[2] Đồng Văn Triệu, Trương Anh Tuấn (2015), *Thế dục và phương pháp dạy học*. NXB Thể dục thể thao.

4) MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Mục tiêu	Mô tả	CĐR của CTĐT	Trình độ năng lực
G1	- Có kiến thức về môn bóng rổ để phục vụ cho việc tập luyện	PLO1	1.0
G2	- Thực hiện được kĩ thuật bóng rổ để phát triển thể chất	PLO1	2.0
G3	- Vận dụng kĩ thuật bóng rổ đã học vào thực tiễn cuộc sống	PLO6	4.0

5) CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

- Kết quả phân tích mối liên hệ giữa CĐR học phần Giáo dục thể chất 1 với CĐR Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh được thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1: Mô tả phân nhiệm chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh cho học phần Giáo dục thể chất 1.

Học phần Giáo dục thể chất 1	Các CĐR cấp độ 2 và 3 của Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh phân nhiệm cho học phần Giáo dục thể chất 1				
Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO1	PLO6		
Trình độ năng lực	1.0	2.0	4.0		
Mức độ giảng dạy ITU	IT	IT	IT		

Chuẩn đầu ra chi tiết của học phần Giáo dục thể chất 1 được thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Mô tả danh mục chuẩn đầu ra học phần Giáo dục thể chất 1 đáp ứng chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh.

Kí hiệu	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ	CĐR của
---------	--------------------------------	----------	---------

CĐR		năng lực	CTĐT tương ứng
G1.1	- Vận dụng những kiến thức cơ bản của kĩ thuật bóng rổ để phục vụ cho việc tập luyện	1.0	PLO1
G1.2	- Vận dụng những kiến thức giáo dục thể chất để rèn luyện nâng cao sức khỏe phục vụ cho việc học tập và cuộc sống	1.0	PLO1
G2.1	- Thực hiện được đúng kĩ thuật đáp ứng được yêu cầu đặt ra	2.0	PLO1
G2.2	- Nắm được luật bóng rổ	2.0	PLO1
G3.1	- Vận dụng các kiến thức, kỹ năng được trang bị vào thực tiễn trong cuộc sống hằng ngày	4.0	PLO6
G3.2	- Xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân, nhóm trong điều kiện thay đổi để giải quyết nhiệm vụ học tập	4.0	PLO6
G3.3	- Hình thành phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức giúp đỡ bạn bè	4.0	PLO6

6) KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Buổi	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	CĐR	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	Chương 1: Lịch sử phát sinh và phát triển môn bóng rổ	3	0	0	0	6			
1	1.1. Sự hình thành và phát triển môn bóng						G1.1 G3.2 G3.3	Yêu cầu tại lớp: Nghe giảng,	

	rỏ trên thể giới 1.2. Lịch sử phát sinh và phát triển môn bóng rỏ ở Việt Nam Phương pháp giảng dạy: - Thuyết giảng - Đặt câu hỏi yêu cầu SV trả lời							trả lời câu hỏi, thảo luận Yêu cầu tại nhà: Đọc tài liệu Tóm tắt bài học trước khi đến lớp	
	Chương 2: Ảnh hưởng và tác dụng của tập luyện bóng rỏ đối với cơ thể	3	0	0	0	6			
2	2.1. Đặc điểm môn bóng rỏ 2.2. Ảnh hưởng và tác dụng của tập luyện bóng rỏ đối với cơ thể Phương pháp giảng dạy: - Thuyết giảng - Đặt câu hỏi yêu cầu SV trả lời						G1.1 G3.2 G3.3	Yêu cầu tại lớp: Nghe giảng, trả lời câu hỏi, thảo luận Yêu cầu tại nhà: Tóm tắt bài học trước khi đến lớp Đọc tài liệu	
	Chương 3: Luật bóng rỏ	7	0	0	2	18			
3	Phương pháp						G1.1	Yêu cầu tại	

	giảng dạy: - Thuyết giảng - Đặt câu hỏi yêu cầu SV trả lời						G3.2 G3.3	lớp: Nghe giảng, trả lời câu hỏi, thảo luận Yêu cầu tại nhà: Tóm tắt bài học trước khi đến lớp Đọc tài liệu	
	Chương 4: Thực hành	0	0	30	0	30			
4+5+ 6+7+ 8+9	4.1. Tư thế chuẩn bị và di chuyển 4.2. Di chuyển 4.3. Kỹ thuật chuyển bóng cao tay 4.4. Kỹ thuật chuyển bóng phát tay 4.5. Kỹ thuật phát bóng thấp tay 4.6. Kỹ thuật phát bóng cao tay 4.7. Một số điểm trong luật bóng rổ						G1.1 G1.2 G1.3 G2.1 G2.2 G3.1 G3.2 G3.3	Yêu cầu tại lớp: Nghe hướng dẫn thực hiện theo Yêu cầu tại nhà: Tóm tắt bài học trước khi đến lớp Đọc tài liệu Luyện tập các kỹ thuật ở nhà	

Phương pháp giảng dạy: - Hướng dẫn làm mẫu - Đặt câu hỏi yêu cầu SV trả lời - Thực hành nhóm								
---	--	--	--	--	--	--	--	--

7) ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CĐR môn học	Tiêu chí đánh giá	Chuẩn đánh giá	Tỷ lệ
A1.Đánh giá quá trình	A1.1. Chuyên cần		- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bảo và tham gia các hoạt động trong giờ học. - Thời gian tham dự buổi học từ 80% trở lên. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm.	- Tham dự đúng, đủ giờ học. - Tích cực tham gia thảo luận, đóng góp xây dựng bài	10%
	A1.2. Bài kiểm tra	G1 G2 G3	Bài kiểm tra vấn đáp + thực hành	Theo đáp án thang điểm quy	30%

				định	
A2. Đánh giá kết thúc	A2.1. Thi kết thúc học phần	G1 G2 G3	- Bài thi thực hành	- Theo đáp án thang điểm quy định	60%

8) MA TRẬN CÂU HỎI THI

Nội dung	Cấp độ				
	Biết/Nhớ	Hiểu	Vận dụng	Phân tích, tổng hợp	Đánh giá, sáng tạo
Chương 1					
Số câu: 05 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 2	Số câu: 2	Số câu: 1	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 2					
Số câu: 05 Tỉ lệ: 25%	Số câu: 2	Số câu: 2	Số câu: 1	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 3					
Số câu: 05 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 2	Số câu: 2	Số câu: 1	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 4					
Số câu: 02 Tỉ lệ: 15%	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 2	Số câu: 0	Số câu: 0
Tổng cộng 17 câu	Số câu: 6	Số câu: 6	Số câu: 5	Số câu: 0	Số câu: 0
Tỷ lệ: 100%	Tỷ lệ: 35%	Tỷ lệ: 35%	Tỷ lệ: 30%	Tỷ lệ: 0%	Tỷ lệ: 0%

TRƯỜNG KHOA



ThS. Phạm Thành Trung

GIẢNG VIÊN
BIÊN SOẠN



ThS. Nguyễn Minh Chiến



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
ĐƯỜNG LỐI QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

1) THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam
- Mã học phần: 06CQ0061
- Số tín chỉ: 45 tiết
- Trình độ: Đại học chính quy
- Môn học tiên quyết: (không)
- Môn học song hành: (không)
- Môn học trước: (không)
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: (không)
- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☒		Chuyên nghiệp ☐			
Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Cơ sở ngành ☐		Chuyên ngành ☐	
		Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐

- Phân tích thời lượng làm việc của giảng viên và sinh viên:

TỔNG SỐ TIẾT LÊN LỚP	45	tiết
<i>Lý thuyết:</i>	45	tiết
<i>Thực hành:</i>	0	tiết
<i>Thảo luận / Thuyết trình:</i>	0	tiết
<i>Hoạt động khác:</i>	0	tiết

TỔNG SỐ TIẾT TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN	90	tiết
<i>Đọc tài liệu ở nhà:</i>	30	tiết
<i>Làm bài tập ở nhà:</i>	30	tiết
<i>Làm việc nhóm:</i>	30	tiết

2) MÔ TẢ VẮN TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN

Học phần Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam là học phần

cơ bản thuộc chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh, học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về chủ trương đường lối quốc phòng an ninh của Đảng, Nhà nước về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân và công tác quốc phòng an ninh trong tình hình mới hình thành phẩm chất đạo đức, yêu chủ nghĩa xã hội nâng cao ý thức trách nhiệm và tinh thần đoàn kết.

3) NGUỒN HỌC LIỆU

a) Tài liệu/giáo trình chính

[1] Đào Huy Hiệp (2008). *Giáo trình Giáo dục quốc phòng an ninh (Tập 1)*, NXB Giáo dục.

b) Tài liệu tham khảo/bổ sung

[2] Đinh Xuân Lý (2013), *Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*. NXB Chính trị quốc gia – Sự thật.

[3] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Tài liệu tập huấn Giáo viên, Giảng viên Giáo dục Quốc phòng An ninh*.

4) MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Mục tiêu	Mô tả	CĐR của CTĐT	Trình độ năng lực
G1	- Có kiến thức cơ bản về chủ trương đường lối quốc phòng an ninh của Đảng, Nhà nước về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân	PLO1	2.0
G2	- Vận dụng những kiến thức đã được trang bị để giải quyết những vấn đề về công tác quốc phòng và an ninh trong tình hình mới	PLO1	2.0
G3	- Có ý thức tổ chức kỷ luật năng lực làm việc học tập tự chủ trong học tập và nghiên cứu có tinh thần trách nhiệm cao trong việc tìm hiểu các nội dung liên quan đến học phần	PLO6	4.0

	hình thành niềm tin rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng và lý tưởng cho người học Xây dựng lòng tin chiến thắng trước mọi âm mưu thủ đoạn của kẻ thù đối với cách mạng Việt Nam		
--	--	--	--

5) CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

- Kết quả phân tích mối liên hệ giữa CĐR học phần Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam với CĐR Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh được thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1: Mô tả phân nhiệm chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh cho học phần Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam

Học phần Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Các CĐR cấp độ 2 và 4 của Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh phân nhiệm cho học phần Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam				
Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO6			
Trình độ năng lực	1.0	1.0			
Mức độ giảng dạy ITU	IT	IT			

- Chuẩn đầu ra chi tiết của học phần Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam được thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Mô tả danh mục chuẩn đầu ra học phần Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam đáp ứng chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh.

Kí hiệu CĐR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CĐR của CTĐT tương ứng
G1.1	- Phân tích được những quan điểm cơ bản về chủ trương đường lối quốc phòng an ninh của Đảng, Nhà nước	1.0	PLO1

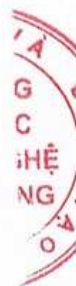
	về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân trong tình hình mới		
G1.2	- Hình thành kiến thức kỹ năng quân sự, các quy định chung trong sinh hoạt và học tập môn giáo dục quốc phòng và an ninh.	1.0	PLO1
G2.1	- Vận dụng những nội dung về chủ trương đường lối quốc phòng an ninh của Đảng, Nhà nước về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân để giải quyết những vấn đề về công tác quốc phòng và an ninh trong tình hình mới	2.0	PLO1
G2.2	- Vận dụng được một số kỹ năng quân sự các quy định chung trong sinh hoạt và học tập môn giáo dục quốc phòng an ninh	2.0	PLO1
G3.1	- Yêu thích môn học và tìm hiểu các vấn đề của nền quốc phòng toàn dân an ninh nhân dân góp phần hình thành niềm tin, rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng và lý tưởng cho sinh viên, xây dựng lòng tin chiến thắng trước mọi âm mưu thủ đoạn của kẻ thù đối với cách mạng Việt Nam	4.0	PLO6
G3.2	- hình thành ý thức tổ chức kỷ luật năng lực làm việc độc lập tự chủ trong học tập và nghiên cứu tinh thần trách nhiệm cao trong việc tìm	4.0	PLO6

	hiểu các nội dung liên quan đến học phần		
--	--	--	--

6) KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Buổi	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	CDR	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	Chương 1: Đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn học.	2	0	0	0	4		Yêu cầu tại lớp: Nghe giảng, trả lời câu hỏi, thảo luận Yêu cầu tại nhà: Đọc tài liệu Tóm tắt bài học trước khi đến lớp	
1	1.1. Đối tượng nghiên cứu						G1.2 G2.2		
	1.2. Phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu 1.3. Giới thiệu về môn học giáo dục quốc phòng an ninh Phương pháp giảng dạy: - Thuyết giảng - Hướng dẫn người học tự	3							

	học, đọc tài liệu và tự luyện tập. - Đặt câu hỏi yêu cầu SV trả lời - Thảo luận nhóm.								
2 + 3	Chương 2: Quan điểm cơ bản của Chủ nghĩa mác- lênin tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh quân đội và bảo vệ tổ quốc.	4	0	0	2	12			
	2.1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh 2.2. Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về quân đội 2.3. Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí						G1.1 G3.1		



	Mình về bảo vệ Tổ Quốc 2.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa Phương pháp giảng dạy: - Thuyết giảng - Hướng dẫn người học tự học, đọc tài liệu và tự luyện tập. - Đặt câu hỏi yêu cầu SV trả lời - Thảo luận nhóm								
4	Chương 3: Xây dựng nền quốc phòng toàn dân an ninh nhân dân bảo vệ tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.	4	0	0	0	8			
	3.1. Vị trí, đặc trưng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân						G1.1 G2.1		

	3.2. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững mạnh để bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. 3.3. Một số biện pháp chính xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân hiện nay. Phương pháp giảng dạy: - Thuyết giảng - Hướng dẫn người học tự học, đọc tài liệu và tự luyện tập. - Đặt câu hỏi yêu cầu SV trả lời - Thảo luận nhóm.								
5	Chương 4: Chiến tranh nhân dân bảo vệ tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.	4	0	0	0	8			



	4.1. Những vấn đề chung về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc. 4.2. Quan điểm của Đảng trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc. 4.3. Một số nội dung chủ yếu của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Phương pháp giảng dạy: - Thuyết giảng - Hướng dẫn người học tự học, đọc tài liệu và tự luyện tập. - Đặt câu hỏi yêu cầu SV trả lời - Thảo luận nhóm.						G1.1 G2.1		
6	Chương 5. Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân.	3	0	0	0	6	G1.1 G3.2		

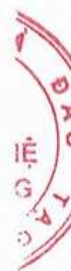
	5.1. Đặc điểm và những quan điểm nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân. 5.2. Phương hướng xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong giai đoạn mới. 5.3. Những biện pháp chủ yếu xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân. Phương pháp giảng dạy: - Thuyết giảng - Hướng dẫn người học tự học, đọc tài liệu và tự luyện tập. - Đặt câu hỏi yêu cầu SV trả lời - Thảo luận nhóm.								
7	Chương 6. Kết hợp phát triển kinh tế, xã hội	4	0	0	0	8	G1.1 G2.1		

	với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại.								
	6.1. Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường, củng cố quốc phòng - an ninh ở Việt Nam. 6.2. Nội dung kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng - an ninh ở Việt Nam. 6.3. Một số giải pháp chủ yếu thực hiện kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng - an ninh ở nước ta hiện nay. Phương pháp giảng dạy:								

	- Thuyết giảng - Hướng dẫn người học tự học, đọc tài liệu và tự luyện tập. - Đặt câu hỏi yêu cầu SV trả lời - Thảo luận nhóm.							
8 + 9	Chương 7. Những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam	4	0	0	2	12		
	1.1. Truyền thống và nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta. 7.2. Nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo. 7.3. Vận dụng một số bài học kinh nghiệm về nghệ thuật quân sự và sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới và trách						G1.1 G3.1	

	nhiệm của sinh viên. Phương pháp giảng dạy: - Thuyết giảng - Hướng dẫn người học tự học, đọc tài liệu và tự luyện tập. - Đặt câu hỏi yêu cầu SV trả lời - Thảo luận nhóm.								
10 + 11	Chương 8. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia phòng trong tình hình mới.	4	0	0	0	8	G1.1 G3.1		
	8.1. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia. 8.2. Quan điểm của Đảng và nhà nước ta về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ biên giới								

quốc gia.								
8.3. Chế độ pháp lý trên các vùng biển, đảo của nước ta hiện nay.								
8.4. Tình hình biển đông trong thời gian gần đây.								
8.5. Xây dựng Hải quân nhân dân Việt Nam cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển, đảo trong tình hình mới.								
Phương pháp giảng dạy:								
- Thuyết giảng								
- Hướng dẫn người học tự học, đọc tài liệu và tự luyện tập.								
- Đặt câu hỏi yêu cầu SV trả lời								
- Thảo luận								



	nhóm.								
12 + 13	Chương 9. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng.	4	0	0	1	12			
	9.1. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ 9.2. Xây dựng lực lượng dự bị động viên. 9.3. Động viên công nghiệp quốc phòng Phương pháp giảng dạy: - Thuyết giảng - Hướng dẫn người học tự học, đọc tài liệu và tự luyện tập. - Đặt câu hỏi yêu cầu SV trả lời - Thảo luận nhóm.						G1.1		
14	Chương 10. Xây dựng phong trào	4	0	0	0	8	G1.1 G3.1		

	toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc								
	10.1. Nhận thức chung về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. 10.2. Nội dung, phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. 10.3. Trách nhiệm của sinh viên trong việc tham gia xây dựng phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc. Phương pháp giảng dạy: - Thuyết giảng - Hướng dẫn người học tự học, đọc tài liệu và tự luyện tập. - Đặt câu hỏi yêu cầu SV trả lời - Thảo luận nhóm.								



11	Chương 11. Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội.	3	0	0	0	6	G1.1 G3.1		
1	11.1. Các khái niệm và nội dung cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội. 11.2. Tình hình an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội. 11.3. Dự báo tình hình an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội trong thời gian tới. 11.4. Một số quan điểm của Đảng và nhà nước trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội.								

	Phương pháp giảng dạy: - Thuyết giảng - Hướng dẫn người học tự học, đọc tài liệu và tự luyện tập. - Đặt câu hỏi yêu cầu SV trả lời - Thảo luận nhóm.							
--	--	--	--	--	--	--	--	--

7) ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CĐR môn học	Tiêu chí đánh giá	Chuẩn đánh giá	Tỷ lệ
A1.Đánh giá quá trình	A1.1. Chuyên cần		- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị báo và tham gia các hoạt động trong giờ học. - Thời gian tham dự buổi học từ 80% trở lên. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm.	- Tham dự đúng, đủ giờ học. - Tích cực tham gia thảo luận, đóng góp xây dựng bài	10%
	A1.2. Bài kiểm tra	G1 G2	- Bài kiểm tra vấn đáp	- Theo đáp án	30%

		G3		thang điểm quy định	
A2. Đánh giá kết thúc	A2.1. Thi kết thúc học phần	G1 G2 G3	- Bài thu hoạch	- Theo đáp án thang điểm quy định	60%

8) MA TRẬN CÂU HỎI THI

Nội dung	Cấp độ				
	Biết/Nhớ	Hiểu	Vận dụng	Phân tích, tổng hợp	Đánh giá, sáng tạo
Chương 1					
Số câu: 5 Tỷ lệ: 100%	Số câu: 1	Số câu: 1	Số câu: 1	Số câu: 1	Số câu: 1
Tổng cộng 5 câu	Số câu: 1	Số câu: 1	Số câu: 1	Số câu: 1	Số câu: 1
Tỷ lệ: 100%	Tỷ lệ: 20%	Tỷ lệ: 20%	Tỷ lệ: 20%	Tỷ lệ: 20%	Tỷ lệ: 20%

TRƯỞNG KHOA



ThS. Phạm Thành Trung

**GIẢNG VIÊN
BIÊN SOẠN**



ThS. Phùng Quang Phát

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
CÔNG TÁC QUỐC PHÒNG AN NINH

1) THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần: Công tác quốc phòng an ninh
- Mã học phần: 06CQ0062
- Số tín chỉ: 30 tiết
- Trình độ: Đại học chính quy
- Môn học tiên quyết: 06CQ0061
- Môn học song hành: (không)
- Môn học trước: (không)
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: (không)
- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☒		Chuyên nghiệp ☐			
Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Cơ sở ngành ☐		Chuyên ngành ☐	
		Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐

- Phân tích thời lượng làm việc của giảng viên và sinh viên:

TỔNG SỐ TIẾT LÊN LỚP	30	tiết
<i>Lý thuyết:</i>	30	tiết
<i>Thực hành:</i>	0	tiết
<i>Thảo luận / Thuyết trình:</i>	0	tiết
<i>Hoạt động khác:</i>	0	tiết

TỔNG SỐ TIẾT TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN	60	tiết
<i>Đọc tài liệu ở nhà:</i>	60	tiết
<i>Làm bài tập ở nhà:</i>	0	tiết
<i>Làm việc nhóm:</i>	0	tiết

2) MÔ TẢ VĂN TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN

Học phần Công tác quốc phòng và an ninh là học phần cơ bản thuộc chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh, học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về

công tác phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam, những quy định của pháp luật về một số vấn đề xã hội.

3) NGUỒN HỌC LIỆU

a) Tài liệu/giáo trình chính

[1] Đào Huy Hiệp (2008). *Giáo trình Giáo dục quốc phòng an ninh Tập 1*. NXB Giáo dục.

b) Tài liệu tham khảo/bổ sung

[2] Nguyễn Tiến Hải (2008), *Giáo trình Giáo dục quốc phòng an ninh*. NXB Chính trị quốc gia.

[3] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Tài liệu tập huấn Giáo viên, Giảng viên Giáo dục Quốc phòng An ninh*.

4) MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Mục tiêu	Mô tả	CĐR của CTĐT	Trình độ năng lực
G1	- Có kiến thức cơ bản về công tác phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam, những quy định của pháp luật về một số vấn đề xã hội	PLO1	1.0
G2	- Vận dụng những kiến thức đã được trang bị để giải quyết những vấn đề về công tác quốc phòng và an ninh trong tình hình mới	PLO1	1.0
G3	- Có ý thức tổ chức kỷ luật năng lực làm việc học tập tự chủ trong học tập và nghiên cứu có tinh thần trách nhiệm cao trong việc tìm hiểu các nội dung liên quan đến học phần hình thành niềm tin rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng và lý tưởng	PLO6	1.0

4
3
2
1
HỆ
V.G.
04

	cho người học Xây dựng lòng tin chiến thắng trước mọi âm mưu thủ đoạn của kẻ thù đối với cách mạng Việt Nam		
--	---	--	--

5) CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

Kết quả phân tích mối liên hệ giữa CĐR học phần Công tác quốc phòng và an ninh với CĐR Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh được thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1: Mô tả phân nhiệm chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh cho học phần Công tác quốc phòng và an ninh.

Học phần Công tác quốc phòng và an ninh	Các CĐR cấp độ 2 và 3 của Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh phân nhiệm cho học phần Công tác quốc phòng và an ninh				
Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO6			
Trình độ năng lực	1.0	1.0			
Mức độ giảng dạy ITU	IT	IT			

- Chuẩn đầu ra chi tiết của học phần Công tác quốc phòng và an ninh được thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Mô tả danh mục chuẩn đầu ra học phần Công tác quốc phòng và an ninh đáp ứng chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh.

Kí hiệu CĐR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CĐR của CTĐT tương ứng
G1.1	- Phân tích được những quan điểm cơ bản về công tác phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam, những quy định của pháp luật về một số vấn đề xã hội	1.0	PLO1
G1.2	- Hình thành kiến thức kỹ năng quân sự, các quy định chung trong sinh hoạt và học tập môn giáo dục quốc	1.0	PLO1

	phòng và an ninh.		
G2.1	- Vận dụng những nội dung về đấu tranh phòng chống những thủ đoạn của các thế lực thù địch nhằm chống phá cách mạng Việt Nam	2.0	PLO1
G2.2	- Vận dụng được một số kỹ năng quân sự các quy định chung trong sinh hoạt và học tập môn giáo dục quốc phòng an ninh	2.0	PLO1
G3.1	- Yêu thích môn học và tìm hiểu các vấn đề của nền quốc phòng toàn dân an ninh nhân dân góp phần hình thành niềm tin, rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng và lý tưởng cho sinh viên, xây dựng lòng tin chiến thắng trước mọi âm mưu thủ đoạn của kẻ thù đối với cách mạng Việt Nam	4.0	PLO6
G3.2	- Hình thành ý thức tổ chức kỷ luật năng lực làm việc độc lập tự chủ trong học tập và nghiên cứu tinh thần trách nhiệm cao trong việc tìm hiểu các nội dung liên quan đến học phần	4.0	PLO6

6) KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Buổi	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	CĐR	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	Bài 1: phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo	40	0	0	5	2			

	loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam							
1	1.1. chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá chủ nghĩa xã hội 1.2. chiến lược “diễn biến hòa bình”. bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam 1.3. mục tiêu nhiệm vụ quan điểm và phương châm phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ 1.4. những giải pháp phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo					G1.2 G2.1	Yêu cầu tại lớp: Nghe giảng, trả lời câu hỏi, thảo luận Yêu cầu tại nhà: Đọc tài liệu Tóm tắt bài học trước khi đến lớp	

	loạn lật đổ ở Việt Nam hiện nay							
2	Bài 2: một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo, đấu tranh phòng chống các thể lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam	40	0	0	5	2		
	2.1. Một số vấn đề cơ bản về dân tộc 2.2. Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo. 2.3. đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam						G1.2 G2.2	Yêu cầu tại lớp: Nghe giảng, trả lời câu hỏi, thảo luận Yêu cầu tại nhà: Đọc tài liệu Tóm tắt bài học trước khi đến lớp
3	Bài 3: phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường	40	0	0	5	2		
	3.1. nhận thức						G1.2	Yêu cầu tại

	chung về bảo vệ môi trường 3.2. một số điểm trong Luật bảo vệ môi trường 3.3. vai trò của sinh viên trong phòng chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường						G2.1	lớp: Nghe giảng, trả lời câu hỏi, thảo luận Yêu cầu tại nhà: Đọc tài liệu Tóm tắt bài học trước khi đến lớp	
4	Bài 4: phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông	40	0	0	5	2			
	4.1. nhận thức chung về trật tự an toàn giao thông 4.2. một số điểm trong luật về đảm bảo trật tự an toàn giao thông 4.3. vai trò của sinh viên trong phòng chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao						G1.2 G2.2	Yêu cầu tại lớp: Nghe giảng, trả lời câu hỏi, thảo luận Yêu cầu tại nhà: Đọc tài liệu Tóm tắt bài học trước khi đến lớp	

	thông								
5	Bài 5: phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự nhân phẩm của người khác	40	0	0	5	2			
	5.1. nhận thức chung về một số loại tội phạm xâm hại danh dự nhân phẩm của người khác 5.2. một số điểm trong bộ luật hình sự nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và tội phạm xâm hại danh dự nhân phẩm của người khác 5.3. vai trò của sinh viên trong phòng chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự nhân phẩm của người khác						G1.2 G2.2	Yêu cầu tại lớp: Nghe giảng, trả lời câu hỏi, thảo luận Yêu cầu tại nhà: Đọc tài liệu Tóm tắt bài học trước khi đến lớp	


 BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
 VIỆN NGHIÊN CỨU GIÁO DỤC

6	Bài 6: an toàn thông tin và phòng chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng	40	0	0	5	2			
	6.1. nhận thức chung về an toàn thông tin về phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng 6.2. các mối đe dọa trong bảo vệ an toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng 6.3. chủ thể giải pháp trong bảo đảm an toàn thông tin và phòng chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng						G1.2 G2.2	Yêu cầu tại lớp: Nghe giảng, trả lời câu hỏi, thảo luận Yêu cầu tại nhà: Đọc tài liệu Tóm tắt bài học trước khi đến lớp	
7	Bài 7: an ninh phi truyền thống và các mối đe	40	0	0	5	2			

	dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam							
	7.1. nhận dạng các vấn đề an ninh phi truyền thống 7.2. an ninh phi truyền thống - mối đe dọa và các nguy cơ, thách thức mang tính toàn cầu 7.3. an ninh phi truyền thống ở Việt Nam trong thời kỳ hội nhập quốc tế					G1.2 G2.1	Yêu cầu tại lớp: Nghe giảng, trả lời câu hỏi, thảo luận Yêu cầu tại nhà: Đọc tài liệu Tóm tắt bài học trước khi đến lớp	
	Phương pháp giảng dạy: - Thuyết giảng - Đặt câu hỏi yêu cầu SV trả lời - Thảo luận nhóm						Yêu cầu tại lớp: Nghe giảng, trả lời câu hỏi, thảo luận Yêu cầu tại nhà: Đọc tài liệu Tóm tắt bài học trước khi đến lớp	

7) ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh	Bài đánh giá	CĐR môn	Tiêu chí đánh giá	Chuẩn đánh giá	Tỷ lệ
-----------------	--------------	---------	-------------------	----------------	-------

giá		học			
A1.Đánh giá quá trình	A1.1. Chuyên cần		- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. - Thời gian tham dự buổi học từ 80% trở lên. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm.	- Tham dự đúng, đủ giờ học. - Tích cực tham gia thảo luận, đóng góp xây dựng bài	10%
	A1.2. Bài kiểm tra	G1 G2 G3	- Bài kiểm tra vấn đáp	Theo đáp án thang điểm quy định	30%
A2. Đánh giá kết thúc	A2.1. Thi kết thúc học phần	G1 G2 G3	- Bài thu hoạch	Theo đáp án thang điểm quy định	60%

8) MA TRẬN CÂU HỎI THI

Nội dung	Cấp độ				
	Biết/Nhớ	Hiểu	Vận dụng	Phân tích, tổng hợp	Đánh giá, sáng tạo
Chương 1					
Số câu 5 Tỷ lệ: 100%	Số câu: 1	Số câu: 1	Số câu: 1	Số câu: 1	Số câu: 1
Tổng cộng	Số câu: 1	Số câu: 1	Số câu: 1	Số câu: 1	Số câu: 1

5 câu					
Tỷ lệ: 100%	Tỷ lệ: 100%	Tỷ lệ: 100%	Tỷ lệ: 100%	Tỷ lệ: 100%	Tỷ lệ: 100%

TRƯỞNG KHOA



ThS. Phạm Thành Trung

**GIẢNG VIÊN
BIÊN SOẠN**



ThS. Phùng Quang Phát



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
QUÂN SỰ CHUNG

1) THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần: Quân sự chung
- Mã học phần: 06CQ0063
- Số tín chỉ: 14 tiết lý thuyết + 16 tiết thực hành
- Trình độ: Đại học chính quy
- Môn học tiên quyết: 06CQ0062
- Môn học song hành: (không)
- Môn học trước: (không)
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: (không)
- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☒		Chuyên nghiệp ☐			
Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Cơ sở ngành ☐		Chuyên ngành ☐	
		Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐

- Phân tích thời lượng làm việc của giảng viên và sinh viên:

TỔNG SỐ TIẾT LÊN LỚP	30	tiết
<i>Lý thuyết:</i>	14	tiết
<i>Thực hành:</i>	16	tiết
<i>Thảo luận / Thuyết trình:</i>	0	tiết
<i>Hoạt động khác:</i>	0	tiết

TỔNG SỐ TIẾT TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN	60	tiết
<i>Đọc tài liệu ở nhà:</i>	60	tiết
<i>Làm bài tập ở nhà:</i>	0	tiết
<i>Làm việc nhóm:</i>	0	tiết

2) MÔ TẢ VĂN TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN

Học phần Quân sự chung là học phần cơ bản thuộc chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh, học phần cung cấp cho người học những kiến thức về quan điểm của Đảng,

các quy định, nề nếp, nội vụ, điều lệnh; Lịch Sử Truyền thống quân đội nhân dân Việt Nam; Nội dung bản chất của một số kỹ năng cơ bản trong chiến đấu. Hình thành kỹ năng quân sự chung sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ đối với Tổ quốc.

3) NGUỒN HỌC LIỆU

a) Tài liệu/giáo trình chính

[1] Nguyễn Tiến Hải (2008), *Giáo trình Giáo dục quốc phòng an ninh*, NXB Giáo dục.

[2] [2] Đào Huy Hiệp (2014), *Giáo trình Giáo dục quốc phòng an ninh*, NXB Giáo dục.

b) Tài liệu tham khảo/bổ sung

[3] Đặng Đức Thắng (2016), *Giáo trình Giáo dục quốc phòng - an ninh*. NXB Giáo dục.

[4] Các tài liệu, học cụ, vũ khí, tranh ảnh, băng đĩa có liên quan đến môn học giáo dục quốc phòng.

4) MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Mục tiêu	Mô tả	CĐR của CTĐT	Trình độ năng lực
G1	- Kiến thức chung về các quy định, nề nếp, nội vụ, điều lệnh; Lịch Sử Truyền thống quân đội nhân dân Việt Nam; Nội dung bản chất của một số kỹ năng cơ bản trong chiến đấu.	PLO1	3.0
G2	- vận dụng những kiến thức đã được trang bị để thể hiện đúng các chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần; những kỹ năng cơ bản về đội hình đội ngũ, kỹ năng quân sự cá nhân	PLO1 PLO6	3.0
G3	- Có ý thức tổ chức kỷ luật năng lực làm việc học tập tự chủ trong học tập và nghiên cứu có tinh thần trách	PLO13 PLO15	3.0

	nhiệm cao trong việc tìm hiểu các nội dung liên quan đến học phần hình thành niềm tin rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng và lý tưởng cho người học Xây dựng lòng tin chiến thắng trước mọi âm mưu thủ đoạn của kẻ thù đối với cách mạng Việt Nam		
--	---	--	--

5) CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

- Kết quả phân tích mối liên hệ giữa CDR học phần Quân sự chung với CDR Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh được thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1: Mô tả phân nhiệm chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh cho học phần Quân sự chung.

Học phần Quân sự chung	Các CDR cấp độ 2 và 3 của Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh phân nhiệm cho học phần Quân sự chung				
Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO6	PLO13	PLO15	
Trình độ năng lực	2.0	2.0	3.0	2.0	
Mức độ giảng dạy ITU	ITU2	ITU2	ITU4	ITU4	

- Chuẩn đầu ra chi tiết của học phần Quân sự chung được thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Mô tả danh mục chuẩn đầu ra học phần Quân sự chung đáp ứng chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh.

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR của CTĐT tương ứng
G1.1	- hình thành kiến thức chung về lịch sử Truyền thống quân đội nhân dân Việt Nam	2.0	PLO1
G1.2	- Phân tích được các quy định, nề nếp, nội vụ, điều lệnh; Lịch Sử Truyền thống quân đội nhân dân Việt Nam; Nội dung bản chất của một số kỹ năng cơ bản trong chiến	2.0	PLO1

	đầu.		
G2.1	- vận dụng những kiến thức đã học để thể hiện đúng các chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần những kỹ năng cơ bản về đội hình, đội ngũ kỹ năng quân sự cá nhân	3.0	PLO6
G2.2	- Vận dụng được một số kỹ năng quân sự các quy định chung trong sinh hoạt và học tập môn giáo dục quốc phòng an ninh	2.0	PLO6
G3.1	- Yêu thích môn học và tìm hiểu các vấn đề của nền quốc phòng toàn dân an ninh nhân dân góp phần hình thành niềm tin, rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng và lý tưởng cho sinh viên, xây dựng lòng tin chiến thắng trước mọi âm mưu thủ đoạn của kẻ thù đối với cách mạng Việt Nam	3.0	PLO13 PLO15
G3.2	- hình thành ý thức tổ chức kỷ luật năng lực làm việc độc lập tự chủ trong học tập và nghiên cứu tinh thần trách nhiệm cao trong việc tìm hiểu các nội dung liên quan đến học phần	3.0	PLO13 PLO15

6) KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Buổi	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	CDR	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	Bài 1: Chế độ sinh hoạt, học	2	0	0	0	4			

	tập, công tác trong ngày, trong tuần							
1	1.1. Chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày 1.2. Chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong tuần Phương pháp giảng dạy: - Thuyết giảng - Hướng dẫn người học tự học, đọc tài liệu và tự luyện tập - Giảng dạy phân đoạn và hoàn chỉnh: Giảm bớt độ khó thuận lợi cho việc học tập, làm nổi bật trọng điểm và điểm khó. Phương pháp này được sử dụng khi giảng dạy những động tác phức tạp, để					G1.2 G2.2	Yêu cầu tại lớp: Nghe giảng, trả lời câu hỏi, thảo luận Yêu cầu tại nhà: Đọc tài liệu Tóm tắt bài học trước khi đến lớp	

	đạt được chuẩn đầu ra G3.1, G3.2 -Phương pháp sửa sai: Dùng để sửa chữa những lỗi sai khi thực hiện động tác, phòng tránh những thói quen sai khi luyện tập của người học, để đạt được các chuẩn đầu ra G1.2, G2.1. - Đặt câu hỏi yêu cầu SV trả lời - Thảo luận nhóm							
	Bài 2: Các chế độ nề nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trogn doanh trại	2	0	0	0	4		
1	2.1. Qui định về mang, mặc trang phục, cách xưng hô trong doanh trại quân đội nhân dân Việt						Yêu cầu tại lớp: G1.2 Nghe giảng, G2.2 trả lời câu hỏi, thảo luận Yêu cầu tại	

	Nam 2.2. Cách bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại quân đội nhân dân Việt Nam 2.3. Các chế độ nề nếp chính quy, bộ trí trật tự nội vụ trong doanh trại Phương pháp giảng dạy: - Thuyết giảng - Hướng dẫn người học tự học, đọc tài liệu và tự luyện tập - Giảng dạy phân đoạn và hoàn chỉnh - Phương pháp sửa sai. - Đặt câu hỏi yêu cầu SV trả lời - Thảo luận nhóm							nhà: Đọc tài liệu Tóm tắt bài học trước khi đến lớp	
	Bài 3: Hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong	4	0	0	0	8			

	quân đội								
2	3.1. Khái niệm cơ bản về quân, binh chủng. 3.2. Giới thiệu chung về tổ chức, lực lượng các quân binh chủng. 3.3. Lịch sử, truyền thống quân, binh chủng 3.4. Hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội. Phương pháp giảng dạy: - Thuyết giảng - Hướng dẫn người học tự học, đọc tài liệu và tự luyện tập - Giảng dạy phân đoạn và hoàn chỉnh - Phương pháp sửa sai. - Đặt câu hỏi yêu cầu SV trả						Yêu cầu tại lớp: Nghe giảng, trả lời câu hỏi, thảo luận Yêu cầu tại nhà: Đọc tài liệu Tóm tắt bài học trước khi đến lớp		

G1.1
G3.1



	lời - Thảo luận nhóm							
	Bài 4: Điều lệnh đội ngũ từng người có súng	0	0	4	0	8		
3	4.1. Khám súng, sửa dây súng. 4.2. Nghiêm, nghi, quay tại chỗ có súng. 4.3. Ngồi xuống, đứng dậy, tiến, lùi, qua phải, qua trái có súng. Phương pháp giảng dạy: - Thuyết giảng - Làm mẫu - Hướng dẫn người học tự học, đọc tài liệu và tự luyện tập - Giảng dạy phân đoạn và hoàn chỉnh - Phương pháp sửa sai. - Đặt câu hỏi yêu cầu SV trả						Yêu cầu tại lớp: Tập luyện nghiêm túc. Tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn khi sử dụng vũ khí. Yêu cầu tại nhà: Đọc tài liệu, đặt ra câu hỏi cần giải đáp Tóm tắt bài học trước khi đến lớp	

	lời - Thảo luận nhóm							
	Bài 5: Điều lệnh đội ngũ đơn vị	0	0	4	0	8		
4	5.1. Đội hình tiểu đội 5.2. Đội hình trung đội Phương pháp giảng dạy: - Thuyết giảng - Hướng dẫn người học tự học, đọc tài liệu và tự luyện tập - Giảng dạy phân đoạn và hoàn chỉnh - Phương pháp sửa sai. - Đặt câu hỏi yêu cầu SV trả lời - Thảo luận nhóm						Yêu cầu tại lớp: Tập luyện nghiêm túc. Tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn khi sử dụng vũ khí. Yêu cầu tại nhà: Đọc tài liệu, đặt ra câu hỏi cần giải đáp Tóm tắt bài học trước khi đến lớp	
	Bài 6: Hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự	2	0	2	0	8		


 RI
 DA
 ON
 IEN

5	6.1. Khái niệm, ý nghĩa, phân loại bản đồ địa hình quân sự. 6.2. Đo cự li, diện tích trên bản đồ. 6.3. Sử dụng bản đồ ngoài thực địa. Phương pháp giảng dạy: - Thuyết giảng - Hướng dẫn người học tự học, đọc tài liệu và tự luyện tập - Giảng dạy phân đoạn và hoàn chỉnh - Phương pháp sửa sai. - Đặt câu hỏi yêu cầu SV trả lời - Thảo luận nhóm						G1.2 G2.1	Yêu cầu tại lớp: Nghe giảng, trả lời câu hỏi, thảo luận Yêu cầu tại nhà: Đọc tài liệu Tóm tắt bài học trước khi đến lớp	
	Bài 7: Phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao	2	0	2	0	8			

6	7.1. Nhận dạng các vấn đề an ninh phi truyền thống 7.2. An ninh phi truyền thống - mối đe dọa và các nguy cơ, thách thức mang tính toàn cầu 7.3 An ninh phi truyền thống ở Việt Nam trong thời kỳ hội nhập quốc tế Phương pháp giảng dạy: - Thuyết giảng - Hướng dẫn người học tự học, đọc tài liệu và tự luyện tập - Giảng dạy phân đoạn và hoàn chỉnh - Phương pháp sửa sai. - Đặt câu hỏi yêu cầu SV trả lời - Thảo luận nhóm.						G2.1 G3.1	Yêu cầu tại lớp: Nghe giảng, trả lời câu hỏi, thảo luận. Tập luyện nghiêm túc. Tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn khi sử dụng vũ khí. Yêu cầu tại nhà: Đọc tài liệu	
---	---	--	--	--	--	--	-------------------------	---	--

	Bài 8: Ba môn quân sự phối hợp	2	4			12			
7	8.1. Ba môn quân sự phối hợp 8.2. Thực hành ba môn quân sự phối hợp Phương pháp giảng dạy: - Thuyết giảng - Hướng dẫn người học tự học, đọc tài liệu và tự luyện tập - Giảng dạy phân đoạn và hoàn chỉnh - Phương pháp sửa sai. - Đặt câu hỏi yêu cầu SV trả lời - Thảo luận nhóm						Yêu cầu tại lớp: Nghe giảng, trả lời câu hỏi, thảo luận. Tập luyện nghiêm túc. Tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn khi sử dụng vũ khí. Yêu cầu tại nhà: Đọc tài liệu		

7) ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CĐR môn học	Tiêu chí đánh giá	Chuẩn đánh giá	Tỷ lệ
A1.Đánh	A1.1. Chuyên		- Tính chủ động,	- Tham	10%

giá quá trình	cần		mức độ tích cực chuẩn bị bào và tham gia các hoạt động trong giờ học. - Thời gian tham dự buổi học từ 80% trở lên. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm.	dự đúng, đủ giờ học. - Tích cực tham gia thảo luận, đóng góp xây dựng bài	
	A1.2. Bài kiểm tra	G1 G2 G3	- Bài kiểm tra	- Theo đáp án thang điểm quy định	30%
A2. Đánh giá kết thúc	A2.1. Thi kết thúc học phần	G1 G2 G3	- Thi vấn đáp + Thực hành	- Theo đáp án thang điểm quy định	60%

8) MA TRẬN CÂU HỎI THI

Thời gian làm bài: 60 phút

Đề thi gồm 2 câu:

Câu 1 (3 điểm): Nội dung tương ứng tín chỉ 1 và 2

Câu 2 (7 điểm): Vận dụng, thực hiện các nhiệm vụ cụ thể trong nội dung tín chỉ
1, 2.

Cấp độ nhận thức: 20% nhận biết, 40% thông hiểu, 30% vận dụng thấp, 10% vận dụng cao.

TRƯỞNG KHOA



ThS. Phạm Thành Trung

**GIẢNG VIÊN
BIÊN SOẠN**



ThS. Phùng Quang Phát

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
KỸ THUẬT CHIẾN ĐẤU BỘ BINH VÀ CHIẾN THUẬT

1) THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật
- Mã học phần: 06CQ0064
- Số tín chỉ: 4 tiết lý thuyết và 56 tiết thực hành.
- Trình độ: Đại học chính quy
- Môn học tiên quyết: (không)
- Môn học song hành: (không)
- Môn học trước: (không)
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: (không)
- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☒		Chuyên nghiệp ☐			
Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Cơ sở ngành ☐		Chuyên ngành ☐	
		Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐

- Phân tích thời lượng làm việc của giảng viên và sinh viên:

TỔNG SỐ TIẾT LÊN LỚP	60	tiết
Lý thuyết:	4	tiết
Thực hành:	56	tiết
Thảo luận / Thuyết trình:	0	tiết
Hoạt động khác:	0	tiết

TỔNG SỐ TIẾT TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN	64	tiết
Đọc tài liệu ở nhà:	64	tiết
Làm bài tập ở nhà:	0	tiết
Làm việc nhóm:	0	tiết

2) MÔ TẢ VẤN TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN

Học phần Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật là học phần cơ bản thuộc chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh, học phần cung cấp cho người học những kiến thức

về quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng và an ninh; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; bổ sung kiến thức về phòng thủ dân sự; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an bảo vệ Tổ quốc.

3) NGUỒN HỌC LIỆU

a) Tài liệu/giáo trình chính

[1] Nguyễn Tiến Hải (2008), *Giáo trình Giáo dục quốc phòng an ninh*. NXB Chính trị quốc gia.

b) Tài liệu tham khảo/bổ sung

[2] Đặng Đức Thắng (2016). *Giáo trình Giáo dục quốc phòng - an ninh*. NXB Giáo dục.

[3] Các tài liệu, học cụ, vũ khí, tranh ảnh, băng đĩa có liên quan đến moonhojc giáo dục quốc phòng.

4) MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Mục tiêu	Mô tả	CĐR của CTĐT	Trình độ năng lực
G1	- Có kiến thức cơ bản tính năng, cấu tạo, nguyên lý sử dụng, bảo quản một số loại vũ khí bộ binh thông thường; Nguyên lý kỹ thuật chiến đấu cá nhân; Các quy định khi thực hiện một số nhiệm vụ trong quân đội.	PLO1	3.0
G2	- Thực hiện đúng các kỹ, chiến thuật cá nhân trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và cảnh giới (canh gác). Biết cách sử dụng , bảo quản súng tiểu liên AK và một số loại lựu đạn thông thường.	PLO1 PLO6	2.0
G3	- Có ý thức tổ chức kỷ luật, năng lực	PLO13	2.0

	làm việc độc lập, học tập tự chủ trong học tập và nghiên cứu có tinh thần trách nhiệm cao trong việc tìm hiểu các nội dung liên quan đến học phần hình thành niềm tin rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng và lý tưởng cho người học Xây dựng lòng tin chiến thắng trước mọi âm mưu thủ đoạn của kẻ thù đối với cách mạng Việt Nam.	PLO15	
--	--	-------	--

5) CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

- Kết quả phân tích mối liên hệ giữa CDR học phần Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật với CDR Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh được thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1: Mô tả phân nhiệm chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh cho học phần Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật.

Học phần Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Các CDR cấp độ 2 và 3 của Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh phân nhiệm cho học phần Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật				
Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO6	PLO13	PLO15	
Trình độ năng lực	3.0	3.0	3.0	3.0	
Mức độ giảng dạy ITU	ITU3	ITU3	ITU4	ITU4	

- Chuẩn đầu ra chi tiết của học phần Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật. được thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Mô tả danh mục chuẩn đầu ra học phần Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật. đáp ứng chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh.

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR của CTĐT tương ứng
G1.1	- Phân tích được tính năng, cấu tạo, nguyên lý sử dụng, bảo quản một số	3.0	PLO1

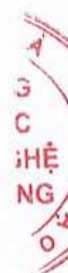
	loại vũ khí bộ binh thông thường; kỹ thuật chiến đấu cá nhân.		
G1.2	- Tìm hiểu những quy định khi thực hiện một số nhiệm vụ trong quân đội.	2.0	PLO1
G2.1	- vận dụng những kiến thức đã học để thực hiện đúng các kỹ, chiến thuật cá nhân trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và canh giới (canh gác).	3.0	PLO6
G2.2	- Vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã học vào thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.	2.0	PLO6
G3.1	- Yêu thích môn học và tìm hiểu các vấn đề của nền quốc phòng toàn dân an ninh nhân dân góp phần hình thành niềm tin, rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng và lý tưởng cho sinh viên, xây dựng lòng tin chiến thắng trước mọi âm mưu thủ đoạn của kẻ thù đối với cách mạng Việt Nam	2.0	PLO13 PLO15
G3.2	- hình thành ý thức tổ chức kỷ luật năng lực làm việc độc lập tự chủ trong học tập và nghiên cứu tinh thần trách nhiệm cao trong việc tìm hiểu các nội dung liên quan đến học phần	2.0	PLO13 PLO15

6) KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Buổi	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	CĐR	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				

	Bài 1: Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK	2	0	22	0	6			
1+2+ 3+4+ 5+6	1.1. Ngắm bắn 1.2. Ngắm trúng và ngắm chụm 1.3. Tư thế động tác bắn, bắn và thôi bắn súng tiểu liên AK 1.4. Thực hành động tác nằm bắn súng tiểu liên AK 1.5 Tập ngắm bắn 1.6. Tập bắn trúng, bắn chụm 1.7. Tập bắn mục tiêu ban ngày bằng súng tiểu liên AK Phương pháp giảng dạy: - Thuyết giảng - Hướng dẫn người học tự học, đọc tài liệu và tự luyện tập - Làm mẫu - Giảng dạy phân đoạn và							Yêu cầu tại lớp: Nghe giảng Tập luyện nghiêm túc. Tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn khi sử dụng vũ khí. Yêu cầu tại nhà: Đọc tài liệu, đặt ra câu hỏi cần giải đáp Tóm tắt bài học trước khi đến lớp	

hoàn chỉnh: Giảm bớt độ khó thuận lợi cho việc học tập, làm nổi bật trọng điểm và điểm khó. Phương pháp này được sử dụng khi giảng dạy những động tác phức tạp, để đạt được chuẩn đầu ra G3.1, G3.2 -Phương pháp sửa sai: Dùng để sửa chữa những lỗi sai khi thực hiện động tác, phòng tránh những thói quen sai khi luyện tập của người học, để đạt được các chuẩn đầu ra G1.2, G2.1. - Đặt câu hỏi yêu cầu SV trả lời - Thảo luận nhóm								
--	--	--	--	--	--	--	--	--



HỆ NG

	Bài 2: Tính năng cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng. Ném lựu đạn bài 1.	4	0	6	0	20			
7+8+ 9+10	2.1. Giới thiệu một số loại lựu đạn Việt Nam 2.2. Quy tắc sử dụng và bảo quản lựu đạn 2.3. Tư thế, động tác ném lựu đạn 2.4. Thực hành sử dụng lựu đạn: Ném lựu đạn trúng đích Phương pháp giảng dạy: - Thuyết giảng - Hướng dẫn người học tự học, đọc tài liệu và tự luyện tập - Làm mẫu - Giảng dạy phân đoạn và hoàn chỉnh - Phương pháp						G1.1 G2.1	Yêu cầu tại lớp: Nghe giảng Tập luyện nghiêm túc. Tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn khi sử dụng vũ khí. Yêu cầu tại nhà: Đọc tài liệu, đặt ra câu hỏi cần giải đáp Tóm tắt bài học trước khi đến lớp	

	sửa sai. - Đặt câu hỏi yêu cầu SV trả lời - Thảo luận nhóm								
	Bài 3: Từng người trong chiến đấu tiến công	0	0	16	0	32			
11+12 +13+ 14	3.1. Nhiệm vụ, yêu cầu chiến thuật 3.2. Hành động của chiến sĩ sau khi nhận nhiệm vụ 3.3. Thực hành chiến đấu 3.4. Hành động của từng người khi chiếm được mục tiêu 3.5. Thực hành từng người trong chiến đấu tiến công Phương pháp giảng dạy: - Thuyết giảng						G2.2 G3.1	Yêu cầu tại lớp: Tập luyện nghiêm túc. Tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn khi sử dụng vũ khí. Yêu cầu tại nhà: Đọc tài liệu, đặt ra câu hỏi cần giải đáp Tóm tắt bài học trước khi đến lớp	



	- Hướng dẫn người học tự học, đọc tài liệu và tự luyện tập - Làm mẫu - Giảng dạy phân đoạn và hoàn chỉnh - Phương pháp sửa sai. - Đặt câu hỏi yêu cầu SV trả lời - Thảo luận nhóm								
	Bài 4: Từng người trong chiến đấu phòng ngự	0	0	8	0	16			
15+16	4.1. Đặc điểm tiến công của địch 4.2. Nhiệm vụ, yêu cầu chiến thuật 4.3. Hành động của từng người khi thực hành chiến đấu						G2.1 G2.2	Yêu cầu tại lớp: Tập luyện nghiêm túc. Tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn khi sử dụng vũ khí. Yêu cầu tại nhà:	

								Đọc tài liệu, đặt ra câu hỏi cần giải đáp Tóm tắt bài học trước khi đến lớp	
	Bài 5: Từng người làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới)	0	0	4	0	8			
17	5.1. Nguyên tắc canh gác, cảnh giới. Yêu cầu đối cán bộ, chiến sĩ làm nhiệm vụ canh gác, cảnh giới. 5.2. Canh gác, cảnh giới tại vọng gác 5.3. Cơ động tuần tra, kiểm soát 5.4. Giải quyết các tình huống xảy ra tại mục tiêu 5.5. Từng người làm nhiệm vụ canh gác, cảnh giới						G1.2 G3.2	Yêu cầu tại lớp: Tập luyện nghiêm túc. Tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn khi sử dụng vũ khí. Yêu cầu tại nhà: Đọc tài liệu, đặt ra câu hỏi cần giải đáp Tóm tắt bài học trước khi đến lớp	

7) ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

ĐY
TĐ
Đ
CÔ
MI
Đ

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CDR môn học	Tiêu chí đánh giá	Chuẩn đánh giá	Tỷ lệ
A1.Đánh giá quá trình	A1.1. Chuyên cần		- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bảo và tham gia các hoạt động trong giờ học. - Thời gian tham dự buổi học từ 80% trở lên. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm.	- Tham dự đúng, đủ giờ học. - Tích cực tham gia thảo luận, đóng góp xây dựng bài	10%
	A1.2. Bài kiểm tra	G1 G2 G3	- Bài kiểm tra	- Theo đáp án thang điểm quy định	30%
A2. Đánh giá kết thúc	A2.1. Thi kết thúc học phần	G1 G2 G3	- Thi vấn đáp - Thực hành	- Theo đáp án thang điểm quy định	60%

8) MA TRẬN CÂU HỎI THI

Thời gian làm bài: 90 phút

Đề thi gồm 2 câu:

Câu 1 (3 điểm): Nội dung tương ứng tín chỉ 1 và 2

Câu 2 (7 điểm): Vận dụng, thực hiện các nhiệm vụ cụ thể trong nội dung tín chỉ 1, 2.

Cấp độ nhận thức: 20% nhận biết, 40% thông hiểu, 30% vận dụng thấp, 10% vận dụng cao.

TRƯỜNG KHOA



ThS. Phạm Thành Trung

**GIẢNG VIÊN
BIÊN SOẠN**



ThS. Phùng Quang Phát

—
—
J
H
G
N
V
Đ
—
★
—



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ MIỀN ĐÔNG
MIT UNIVERSITY VIETNAM

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, KP Trần Hưng Đạo, Thị trấn Dầu Giây, Huyện
Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Điện thoại: (02513) 772 668

Tax code: 3602 501 753

Website: www.mit.vn

Fanpage: fb.com/mituniversity

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: KỸ NĂNG TƯ DUY HỌC TẬP VÀ LÀM VIỆC

1. THÔNG TIN CHUNG

Tên học phần (tiếng Việt): **KỸ NĂNG TƯ DUY HỌC TẬP VÀ LÀM VIỆC**

Tên học phần (tiếng Anh): **SKILLS FOR LEARNING AND WORKING**

Mã môn học: KNM01

Khoa/Bộ môn phụ trách: **Viện Sau đại học và Đào tạo ngắn hạn**

Giảng viên phụ trách chính: **PGS.TS. Phạm Văn Song**

Email: songpv@mit.vn

Số tín chỉ: 02

Số tiết: 30

Tính chất của học phần: **Bắt buộc**

Học phần tiên quyết: **Không**

Các yêu cầu của học phần: **Sinh viên trang bị tài liệu học tập**

Ngôn ngữ giảng dạy: **Tiếng Việt**



2. MỤC TIÊU MÔN HỌC

Mục tiêu của khóa học "Kỹ năng Tư duy học tập và làm việc" là trang bị cho sinh viên những kỹ năng cần thiết để phát triển tư duy phản biện, quản lý thời gian hiệu quả và làm việc nhóm thành công. Sinh viên sẽ được hướng dẫn cách phân tích và đánh giá thông tin một cách sâu sắc, áp dụng các phương pháp quản lý thời gian để tối ưu hóa hiệu suất học tập và làm việc, cùng với khả năng làm việc nhóm hiệu quả, giải quyết xung đột và duy trì động lực nhóm. Khóa học không chỉ cung cấp kiến thức lý thuyết mà còn tập trung vào thực hành và ứng dụng thực tế, giúp sinh viên tự tin và sẵn sàng đối mặt với thách thức trong học tập và môi trường làm việc chuyên nghiệp.

- **Phát triển tư duy phản biện:** Sinh viên có khả năng phân tích, đánh giá và giải quyết vấn đề một cách hiệu quả.
- **Quản lý thời gian:** Sinh viên biết cách lập kế hoạch và sử dụng thời gian hiệu quả trong học tập và công việc.
- **Làm việc nhóm:** Sinh viên có kỹ năng giao tiếp, hợp tác và giải quyết xung đột trong môi trường nhóm.

3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN (LEARNING OUTCOMES)

Mã CĐR	Mô tả CĐR học phần
G1	Tư duy phản biện
G1.1	Sinh viên có thể phân tích và đánh giá thông tin một cách chính xác.
G1.2	Sinh viên xây dựng và trình bày lập luận một cách logic và rõ ràng.
G1.3	Sinh viên nhận diện và khắc phục các lỗi tư duy trong các tình huống cụ thể.
G2	Quản lý thời gian
G2.1	Sinh viên thiết lập và theo đuổi mục tiêu SMART một cách hiệu quả.
G2.2	Sinh viên áp dụng các kỹ thuật quản lý thời gian để cải thiện hiệu suất học tập và công việc.
G2.3	Sinh viên sử dụng công cụ quản lý thời gian và đối phó với trì hoãn và căng thẳng.
G3	Làm việc nhóm
G3.1	Sinh viên giao tiếp và hợp tác hiệu quả trong nhóm, phân chia vai trò và trách nhiệm.
G3.2	Sinh viên giải quyết xung đột và ra quyết định nhóm một cách hợp lý
G3.3	Sinh viên có kỹ năng xây dựng và duy trì động lực nhóm, đồng thời đánh giá hiệu quả làm việc nhóm.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

Nội Dung	Tiết	Nội dung chi tiết	Chuẩn đầu ra
I. Kỹ năng tư duy phản biện	1-2	Định nghĩa, tầm quan trọng và các yếu tố cấu thành của tư duy phản biện.	Sinh viên hiểu và mô tả các khái niệm cơ bản của tư duy phản biện.
	3-4	Kỹ thuật phân tích vấn đề, xây dựng và kiểm tra lập luận; cách đánh giá thông tin.	Sinh viên có khả năng phân tích và đánh giá thông tin, xây dựng lập luận logic.
	5-6	Các lỗi tư duy phổ biến, cách nhận diện và khắc phục lỗi tư duy.	Sinh viên nhận diện và sửa lỗi tư duy, áp dụng kỹ thuật đặt câu hỏi phản biện.
	7-8	Áp dụng tư duy phản biện vào giải quyết vấn đề và phân tích nghiên cứu.	Sinh viên áp dụng tư duy phản biện vào thực tiễn giải quyết vấn đề và nghiên cứu.
II. Kỹ năng quản lý thời gian	9-10	Làm việc nhóm để thảo luận và phản biện các quan điểm, cung cấp và nhận phản hồi.	Sinh viên làm việc nhóm để thảo luận và phản biện, nhận và cung cấp phản hồi hiệu quả.
	11-12	Tầm quan trọng và lợi ích của quản lý thời gian, các nguyên tắc cơ bản.	Sinh viên hiểu và mô tả các nguyên tắc quản lý thời gian hiệu quả.
	13-14	Thiết lập mục tiêu SMART, lập kế hoạch và phân bổ thời gian.	Sinh viên thiết lập mục tiêu SMART và lập kế hoạch thời gian hợp lý.
	15-16	Các kỹ thuật quản lý thời gian cá nhân như Pomodoro, Eisenhower Matrix; thực hành áp dụng.	Sinh viên áp dụng các kỹ thuật quản lý thời gian cá nhân vào công việc học tập và cá nhân.
	17-18	Kỹ thuật quản lý thời gian khi làm việc nhóm và dự	Sinh viên quản lý thời gian trong nhóm và dự án, phân công công

Nội Dung	Tiết	Nội dung chi tiết	Chuẩn đầu ra
		án, phân bổ công việc và trách nhiệm.	việc hiệu quả.
	19-20	Phân tích kết quả quản lý thời gian, điều chỉnh kế hoạch và chiến lược.	Sinh viên phân tích kết quả và điều chỉnh kế hoạch để tối ưu hóa quản lý thời gian.
III. Kỹ năng làm việc nhóm	21-22	Tầm quan trọng của làm việc nhóm, các loại nhóm và vai trò trong nhóm.	Sinh viên hiểu và mô tả các yếu tố liên quan đến làm việc nhóm và vai trò trong nhóm.
	23-24	Kỹ năng giao tiếp hiệu quả, hợp tác và hỗ trợ đồng đội.	Sinh viên giao tiếp và hợp tác hiệu quả trong nhóm.
	25-26	Các phương pháp quản lý xung đột, giải quyết vấn đề và ra quyết định nhóm.	Sinh viên giải quyết xung đột và ra quyết định nhóm một cách hợp lý.
	27-28	Các yếu tố thúc đẩy động lực nhóm, kỹ thuật duy trì tinh thần làm việc nhóm.	Sinh viên xây dựng và duy trì động lực nhóm, đảm bảo hiệu quả làm việc.
	29-30	Các chỉ số đánh giá hiệu quả làm việc nhóm, tổng kết và rút kinh nghiệm.	Sinh viên đánh giá hiệu quả làm việc nhóm và tổng kết các kỹ năng học được.

5. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

- **Giảng lý thuyết:** Cung cấp kiến thức cơ bản và các khái niệm liên quan.
- **Thực hành:** Tập trung vào các bài tập thực hành, tình huống thực tế và mô phỏng.
- **Thảo luận nhóm:** Khuyến khích sinh viên thảo luận và giải quyết các vấn đề nhóm.
- **Đánh giá:** Kiểm tra và đánh giá qua bài tập, dự án nhóm, và bài kiểm tra/thực hành cuối khóa.

6. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Điểm đánh giá quá trình: 40% (tham gia lớp, bài tập, thảo luận)
- Điểm đánh giá cuối khóa: 60%

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP VÀ THAM KHẢO

7.1. Tài liệu về tư duy phản biện

1. Sách:

- o "Critical Thinking: A Concise Guide" - Tracy Bowell và Gary Kemp
- o "Thinking Critically" - John Chaffee
- o "The Art of Thinking Clearly" - Rolf Dobelli

2. Bài báo và nghiên cứu:

- o "The Role of Critical Thinking in the Learning Process" – Journal of Educational Psychology
- o "Critical Thinking: A Review of Theory and Practice" – Educational Philosophy and Theory

3. Tài liệu trực tuyến:

- o Critical Thinking Web
- o The Foundation for Critical Thinking

7.2. Tài liệu về kỹ năng quản lý thời gian

1. Sách:

- o "Getting Things Done: The Art of Stress-Free Productivity" - David Allen
- o "Eat That Frog!: 21 Great Ways to Stop Procrastinating and Get More Done in Less Time" - Brian Tracy
- o "Time Management for Dummies" - Laura Stack

2. Bài báo và nghiên cứu:

- o "Time Management Practices and Their Impact on Job Performance" – Journal of Management
- o "Effective Time Management Techniques for Students" – Educational Research Review

3. Tài liệu trực tuyến:

- o MindTools Time Management
- o The Time Management Ninja

7.3. Tài liệu về kỹ năng làm việc nhóm

1. Sách:

- o "The Five Dysfunctions of a Team: A Leadership Fable" - Patrick Lencioni
- o "Teamwork and Team Building: A Practical Guide for Managers and Leaders" - Michael A. West

- o "The Wisdom of Teams: Creating the High-Performance Organization" - Jon R. Katzenbach và Douglas K. Smith

2. Bài báo và nghiên cứu:

- o "Effective Teamwork: Practical Lessons from Organizational Research" – Organizational Psychology Review
- o "The Impact of Team Dynamics on Organizational Performance" – Journal of Business Research

3. Tài liệu trực tuyến:

- o Team Performance Management
- o Harvard Business Review - Teamwork

7.4. Tài liệu chung

1. Sách:

- o "Soft Skills: The software developer's life manual" - John Sonmez (cho kỹ năng mềm, bao gồm kỹ năng làm việc nhóm và quản lý thời gian)
- o "The 7 Habits of Highly Effective People" - Stephen R. Covey (cho kỹ năng quản lý thời gian và tư duy phản biện)

2. Bài báo và nghiên cứu:

- o "Developing Soft Skills for the 21st Century" – Educational Research Journal
- o "The Role of Soft Skills in Academic and Professional Success" – Journal of Career Assessment

3. Tài liệu trực tuyến:

- o Coursera - Critical Thinking
- o LinkedIn Learning - Time Management
- o edX - Teamwork Skills

Đồng Nai, ngày 14 tháng 8 năm 2024



Hiệu trưởng

PGS.TS. Phạm Văn Song

Phó Viện trưởng
Viện SDH và ĐTNH

Người biên soạn

PGS.TS. Phạm Văn Song



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ MIỀN ĐÔNG
MIT UNIVERSITY VIETNAM

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, KP Trần Hưng Đạo, Thị trấn Dầu Giây, Huyện
Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Điện thoại: (02513) 772 668

Tax code: 3602 501 753

Website: www.mit.vn

Fanpage: fb.com/mituniversity

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: KỸ NĂNG TRUYỀN ĐẠT, GIAO TIẾP, ỨNG XỬ

1. THÔNG TIN CHUNG

Tên học phần (tiếng Việt): **KỸ NĂNG TRUYỀN ĐẠT, GIAO TIẾP, ỨNG XỬ**

Tên học phần (tiếng Anh): **COMMUNICATION, PRESENTATION, AND
INTERPERSONAL SKILLS**

Mã môn học:

Khoa/Bộ môn phụ trách: **Viện Sau đại học và Đào tạo ngắn hạn**

Giảng viên phụ trách chính: **PGS.TS. Phạm Văn Song**

Email: **songpv@mit.vn**

Số tín chỉ: **02**

Số tiết: **30**

Tính chất của học phần: **Bắt buộc**

Học phần tiên quyết: **Không**

Các yêu cầu của học phần: **Sinh viên trang bị tài liệu học tập**

Ngôn ngữ giảng dạy: **Tiếng Việt**

2. MỤC TIÊU MÔN HỌC

Học phần "Kỹ năng truyền đạt, giao tiếp, ứng xử" được thiết kế nhằm mục tiêu trang bị cho sinh viên các kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, và tìm việc hiệu quả, cần thiết cho sự nghiệp và cuộc sống hiện đại. Qua đó, khóa học giúp sinh viên nâng cao khả năng ứng xử linh hoạt trong các mối quan hệ xã hội và chuyên nghiệp, phát triển các kỹ năng thuyết trình sáng tạo và thuyết phục, và chuẩn bị sẵn sàng để chinh phục các nhà tuyển dụng với hồ sơ xin việc và phong cách phỏng vấn chuyên nghiệp. Khóa học cũng nhấn mạnh việc thực hành thông qua các tình huống giả định và dự án nhóm, giúp sinh viên áp dụng kiến thức vào thực tiễn một cách hiệu quả.

- **Phát triển khả năng giao tiếp và ứng xử:** Sinh viên phát triển kỹ năng giao tiếp và xử lý các tình huống trong công việc.
- **Kỹ năng thuyết trình:** Sinh viên phát triển kỹ năng thuyết trình chuyên nghiệp trong học tập và trong công việc.
- **Tìm việc và chinh phục nhà tuyển dụng:** Sinh viên có khả năng chinh phục các nhà tuyển dụng tiếp nhận vào các vị trí thu nhập cao, phát triển bản thân.

3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN (LEARNING OUTCOMES)

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
G1	Kỹ năng giao tiếp và ứng xử
G1.1	Giao tiếp rõ ràng, hiệu quả trong nhiều tình huống.
G1.2	Ứng xử phù hợp và linh hoạt trong môi trường đa văn hóa.
G1.3	Quản lý xung đột và giảm căng thẳng trong giao tiếp.
G2	Kỹ năng thuyết trình
G2.1	Thiết kế và trình bày bài thuyết trình chuyên nghiệp.
G2.2	Sử dụng công cụ truyền thông hiệu quả.
G2.3	Tương tác với khán giả và xử lý phản hồi một cách linh hoạt.
G3	Kỹ năng tìm việc và chinh phục nhà tuyển dụng
G3.1	Chuẩn bị hồ sơ xin việc chuyên nghiệp.
G3.2	Hiểu và áp dụng kỹ thuật phỏng vấn hiệu quả.
G3.3	Hiểu và định vị được khả năng của bản thân và xây dựng và duy trì mạng lưới quan hệ chuyên nghiệp.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

Nội Dung	Tiết	Nội dung chi tiết	CDR	Hình thức giảng dạy
I. Kỹ năng giao tiếp và ứng xử	1-2	Giới thiệu khóa học, nguyên tắc giao tiếp cơ bản	G1.1	Thuyết trình, thảo luận
	3-4	Kỹ thuật lắng nghe và ngôn ngữ cơ thể.	G1.1	Thực hành, tình huống giả định

Nội Dung	Tiết	Nội dung chi tiết	CĐR	Hình thức giảng dạy
	5-6	Các lỗi tư duy phổ biến, cách nhận diện và khắc phục lỗi tư duy.	G1.2	Thảo luận nhóm, phân tích case study
	7-8	Áp dụng tư duy phản biện vào giải quyết vấn đề và phân tích nghiên cứu.	G1.3	Tình huống giả định, bài tập nhóm
	9-10	Làm việc nhóm để thảo luận và phân biện các quan điểm, cung cấp và nhận phản hồi.	G1.1, G1.2, G1.3	Thực hành, phản hồi
II. Kỹ năng thuyết trình	11-12	Cấu trúc và thiết kế bài thuyết trình	G2.1	Thuyết trình, thảo luận
	13-14	Kỹ thuật truyền đạt và ngôn ngữ cơ thể	G2.2	Thực hành, phân tích video
	15-16	Tương tác với khán giả, xử lý phản hồi	G2.3	Thực hành, tình huống giả định
	17-18	Phản hồi về bài thuyết trình từ giảng viên và bạn học	G2.1, G2.2, G2.3	Phản hồi, bài tập nhóm
	19-20	Dự án thuyết trình cuối khóa	G2.1, G2.2, G2.3	Dự án cuối khóa
III. Kỹ năng tìm việc và chinh phục nhà tuyển dụng	21-21	Chuẩn bị hồ sơ xin việc - CV và thư xin việc	G3.2	Workshop, thảo luận nhóm
	23-24	Kỹ năng phỏng vấn - Chuẩn bị và câu hỏi thường gặp	G3.2	Mô phỏng, thực hành
	25-26	Định vị bản thân, lựa chọn và tìm hiểu nơi làm việc	G3.3	Thảo luận, phân tích case study
	27-28	Xây dựng mạng lưới quan hệ chuyên nghiệp - Networking	G3.3	Workshop, thực hành
	29-30	Thực hành phỏng vấn - Mô phỏng tình huống và nhận xét	G3.1, G3.2, G3.3	Mô phỏng, phản hồi

5. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

- **Giảng lý thuyết:** Cung cấp kiến thức cơ bản và các khái niệm liên quan.
- **Thực hành:** Tập trung vào các bài tập thực hành, tình huống thực tế và mô phỏng.
- **Thảo luận nhóm:** Khuyến khích sinh viên thảo luận và giải quyết tình huống.
- **Đánh giá:** Kiểm tra và đánh giá qua bài tập, dự án nhóm, và bài kiểm tra/thực hành cuối khóa.

6. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Điểm đánh giá quá trình: 40% (tham gia lớp, bài tập, thảo luận)
- Điểm đánh giá cuối khóa: 60%

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP VÀ THAM KHẢO

- **"Communication Skills Training" - James O'Rourke**
- Cung cấp các kỹ thuật và phương pháp cơ bản đến nâng cao về giao tiếp trong môi trường chuyên nghiệp và cá nhân.
- **"Presentation Zen: Simple Ideas on Presentation Design and Delivery" - Garr Reynolds**
- Hướng dẫn thiết kế và thực hiện các bài thuyết trình sáng tạo và thuyết phục, sử dụng các nguyên tắc thiết kế đồ họa và kỹ thuật truyền đạt thông tin.
- **"Knock 'em Dead Job Interview: How to Turn Job Interviews Into Job Offers" - Martin Yate**
- Cung cấp chiến lược và kỹ năng để chuẩn bị và thực hiện các cuộc phỏng vấn xin việc, từ việc chuẩn bị hồ sơ xin việc đến trả lời các câu hỏi phỏng vấn khó.
- **"The Definitive Book of Body Language" - Barbara Pease & Allan Pease**
- Giải thích cách ngôn ngữ cơ thể ảnh hưởng đến giao tiếp và cách sử dụng nó để cải thiện kỹ năng giao tiếp cá nhân.

Đồng Nai, ngày 14 tháng 8 năm 2024



Hiệu trưởng

PGS.TS. Phạm Văn Song

Phó Viện trưởng
Viện SDH và ĐTNH

Ths. Thái Thanh Thanh Trâm

Người biên soạn

PGS.TS. Phạm Văn Song



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ MIỀN ĐÔNG
MIT UNIVERSITY VIETNAM

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, KP Trần Hưng Đạo, Thị trấn Dầu Giây, Huyện
Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Điện thoại: (02513) 772 668

Tax code: 3602 501 753

Website: www.mit.vn

Fanpage: fb.com/mituniversity

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: KỸ NĂNG ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ KHỞI NGHIỆP

1. THÔNG TIN CHUNG

Tên học phần (tiếng Việt): **KỸ NĂNG ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ KHỞI NGHIỆP**

Tên học phần (tiếng Anh): **INNOVATION AND ENTREPRENEURSHIP**

Mã môn học:

Khoa/Bộ môn phụ trách: **Viện Sau đại học và Đào tạo ngắn hạn**

Giảng viên phụ trách chính: **PGS.TS. Phạm Văn Song**

Email: songpv@mit.vn

Số tín chỉ: 02

Số tiết: 30

Tính chất của học phần: **Bắt buộc**

Học phần tiên quyết: **Không**

Các yêu cầu của học phần: **Sinh viên trang bị tài liệu học tập.**

Ngôn ngữ giảng dạy: **Tiếng Việt**



2. MỤC TIÊU MÔN HỌC

Học phần "Kỹ năng đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp" được thiết kế nhằm mục tiêu trang bị cho sinh viên các kiến thức nền tảng về đổi mới sáng tạo, tinh thần khởi nghiệp, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh, từ đó nâng cao nhận thức của sinh viên và hình thành tư duy đúng đắn trong lựa chọn nghề nghiệp và sáng tạo giá trị. Khóa học giúp sinh viên quan tâm đến khởi nghiệp và mong muốn khởi nghiệp có những chuẩn bị trước về tư duy và nguồn lực cần có để chủ động trong quá trình khởi sự kinh doanh sáng tạo.

- **Đổi mới sáng tạo:** Phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khởi nghiệp và quản lý dự án.
- **Khởi nghiệp:** Cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng, công cụ cơ để xây dựng các ý tưởng khởi nghiệp, phát triển dự án khởi nghiệp dựa trên những thế mạnh của bản thân và quan sát nhu cầu thị trường.

3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN (LEARNING OUTCOMES)

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
G1	Kỹ năng tư duy sáng tạo
G1.1	Hiểu và trình bày được các khái niệm cơ bản về đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp.
G1.2	Áp dụng được các phương pháp tư duy sáng tạo vào giải quyết vấn đề.
G2	Khởi nghiệp
G2.1	Xây dựng và phát triển ý tưởng kinh doanh khả thi.
G2.2	Phân tích và đánh giá các rào cản và cơ hội trong quá trình khởi nghiệp.
G2.3	Lập kế hoạch kinh doanh và quản lý dự án khởi nghiệp hiệu quả.
G2.4	Thực hành các kỹ năng thuyết trình, gọi vốn và xây dựng mạng lưới kinh doanh.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

Nội Dung	Tiết	Nội dung chi tiết	CDR	Hình thức giảng dạy
I. Đổi mới sáng tạo	1-2	Khái niệm về đổi mới sáng tạo	G1.1	Thuyết trình, thảo luận
	3-4	Tư duy sáng tạo, các cấp độ tư duy sáng tạo, các rào cản	G1.1	Thuyết trình, thảo luận

Nội Dung	Tiết	Nội dung chi tiết	CDR	Hình thức giảng dạy
	5-6	Các phương pháp tư duy sáng tạo	G1.1	Thuyết trình, thảo luận
	7-8	Áp dụng được các phương pháp tư duy sáng tạo vào giải quyết vấn đề.	G1.2	Tình huống giả định, bài tập nhóm
	9-10	Kích thích và trau dồi tư duy sáng tạo (Làm việc nhóm để thảo luận và phân biện các quan điểm, cung cấp và nhận phản hồi)	G1.1, G1.2	Thực hành, phản hồi
II. Khởi nghiệp	11-12	Khởi sự kinh doanh	G2.1	Thuyết trình, thảo luận
	13-14	Chuẩn bị cho khởi sự kinh doanh	G2.1	Thực hành, phân tích video
	15-16	Các bước khởi sự kinh doanh	G2.1	Thực hành, tình huống giả định
	17-18	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	G2.1	Phản hồi, bài tập nhóm
	19-20	Thảo luận, lập kế hoạch kinh doanh	G2.1, G2.2, G2.3	Phân tích, thực hành
	20-30	Thực hành trình bày dự án kinh doanh và gọi vốn	G2.1, G2.2, G2.3, G2.4	Dự án cuối khóa

5. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

- **Giảng lý thuyết:** Cung cấp kiến thức cơ bản và các khái niệm liên quan.
- **Thực hành:** Tập trung vào các bài tập thực hành, tình huống thực tế và mô phỏng.
- **Thảo luận nhóm:** Khuyến khích sinh viên thảo luận, đưa ra các phương án.
- **Đánh giá:** Kiểm tra và đánh giá qua bài tập, dự án nhóm cuối khóa.

6. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Điểm đánh giá quá trình: 40% (tham gia lớp, bài tập, thảo luận)
- Điểm đánh giá cuối khóa: 60%

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP VÀ THAM KHẢO

- **Tài liệu học tập chính**
 - *Tài liệu hướng dẫn đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp dành cho sinh viên (2018):* Đây là tài liệu chính thức thuộc Đề án 1665 về “Hỗ trợ Học sinh, Sinh viên Khởi nghiệp đến năm 2025”, cung cấp các kiến thức nền tảng về đổi mới sáng tạo, tinh thần khởi nghiệp, và các kỹ năng cần thiết để phát triển dự án khởi nghiệp.
 - *"Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp: Các bài học thực tiễn từ Việt Nam"* - Nguyễn Thanh Liêm
 - *"Kỹ năng khởi nghiệp dành cho sinh viên"* - Phạm Ngọc Tuấn
- **Tài liệu tham khảo**
 - *The Lean Startup: How Today's Entrepreneurs Use Continuous Innovation to Create Radically Successful Businesses* - Eric Ries
 - *Creative Confidence: Unleashing the Creative Potential Within Us All* - Tom Kelley, David Kelley
 - *Business Model Generation: A Handbook for Visionaries, Game Changers, and Challengers* - Alexander Osterwalder, Yves Pigneur
 - *Design Thinking for Entrepreneurs and Small Businesses* - Beverly Rudkin Ingle

Đồng Nai, ngày 14 tháng 8 năm 2024



Hiệu trưởng

PGS.TS. Phạm Văn Song Ths. Thái Thanh Thanh Trâm

Phó Viện trưởng
Viện SDH và ĐTNH

Người biên soạn

PGS.TS. Phạm Văn Song